

PHỤ LỤC 5
CÁC VĂN BẢN VỀ VIỆC HỘI ĐỒNG KHOA
HỌC VÀ ĐÀO TẠO THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN
MỞ NGÀNH

Số: 43 /ĐN-K.NN&TNMT

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 12 năm 2022

ĐỀ NGHỊ
Thẩm định Đề án mở ngành đào tạo
Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ

Kính gửi: Hiệu Trưởng Trường Đại học Đồng Tháp

Căn cứ Quyết định số 08/2004/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSPT Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/07/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/06/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ban hành ngày 18/01/2022 quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Kết luận tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ, mã số: 8440103 ngày 12/5/2022 và kết quả quá trình xây dựng Đề án mở ngành.

Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường kính đề nghị Hiệu trưởng tiến hành lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ, mã số: 8440103.

Trân trọng./.

TRƯỞNG KHOA

Phạm Quốc Nguyên

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

Số: 196/ĐN-ĐTSDH

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 12 năm 2022

ĐỀ NGHỊ
Về việc thẩm định Đề án mở ngành đào tạo
trình độ thạc sĩ Khoa học môi trường

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 10/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp, nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Đề nghị số 43/ĐN-K.NN&TNMT ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Trường khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường về việc thẩm định hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ.

Phòng Đào tạo Sau đại học kính đề nghị Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ (có hồ sơ Đề án kèm theo).

Rất mong sự xem xét và chấp thuận của Hiệu trưởng./.

TRƯỞNG PHÒNG

Hồ Sỹ Thắng

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

Số: 2156/ĐHĐT-ĐTSĐH
V/v thẩm định Đề án mở ngành đào tạo
Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Đề nghị số 43/ĐN-K.NN&TNMT ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường về việc thẩm định hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ, mã số: 8440301;

Căn cứ Đề nghị số 196/ĐN-ĐTSĐH ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học về việc thẩm định hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ, mã số: 8440301.

Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp kính đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành họp thẩm định Đề án, bao gồm: các điều kiện về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và thiết bị, học liệu, quy trình xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KNN&TNMT, P.ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

Số: 3174/QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ kiểm tra điều kiện mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp, nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị Quyết số 68/NQ-HĐT ngày 22/3/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về chủ trương mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-ĐHĐT ngày 14/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 2156/ĐHĐT-ĐTSDH ngày 13/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định Đề án mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

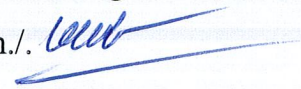
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ kiểm tra điều kiện thực tế mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ, mã số 8440301 gồm các ông/bà có tên sau:

(Có danh sách kèm theo).



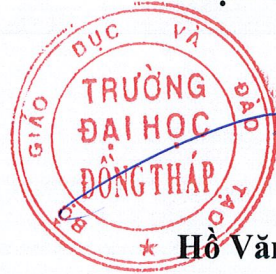
Điều 2. Tổ kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra các điều kiện về cơ sở vật chất, học liệu, đội ngũ giảng viên để mở ngành theo quy định. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Tổ trưởng phân công. Tổ kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các trưởng đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. 

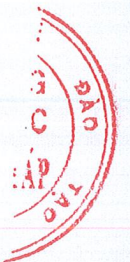
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐU, HĐT, LĐT;
- Lưu: VT, ĐTSĐH, HĐKH&ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống





DANH SÁCH

**Tổ kiểm tra điều kiện thực tế mở ngành
Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3174 /QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp).

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ông Lương Thanh Tân	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng
2	Ông Phan Trọng Nam	Trưởng phòng KH&CN	Thành viên
3	Ông Trần Văn Phúc	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
4	Ông Vũ Trọng Tài	Trưởng phòng TB&XDCH	Thành viên
5	Bà Hoàng Thị Việt Hà	Viên chức phòng ĐTSĐH	Thư ký

Danh sách này gồm: 05 (năm) thành viên./.

Handwritten signature in blue ink.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày tháng năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: Khoa học môi trường

Mã ngành: 8440301

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Đơn vị đào tạo: Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với đơn vị đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Đúng với hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Phạm Quốc Nguyên 31/08/1978	340931413		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Môi trường Đất và nước	1/09/2006	Không xác định thời hạn	8713006191	16	1	3	✓

2	Lê Diễm Kiều 21/4/1983	34215501 7		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Môi trường đất và nước	25/8/2008	Không xác định thời hạn		14		4	✓
3	Nguyễn Thị Hải Lý 29/12/1981	34104036 1		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Môi trường đất và nước	01/09/2006	Không xác định thời hạn	87080031 89	16		5	✓
4	Nguyễn Văn Hưng 29/04/1977		Phó Giáo sư, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam 2013	Hóa học	15/7/2003	Không xác định thời hạn	49050032 69	18	2	1	✓
5	Hà Danh Đức 08/09/1977	34171210 4	Phó Giáo sư, 2022	Tiến sĩ, Thái Lan, 2017	Quản lý môi trường	01/09/2000	Không xác định thời hạn	87080031 10	22	3	1	✓
6	Nguyễn Thị Phương 26/7/1985	08718501 9883		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Khoa học đất	01/9/2007	Không xác định thời hạn	49070050 05	15		3	✓
7	Hồ Sỹ Thắng 30/4/1975		Phó Giáo sư, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam 2012	Hóa lý thu ết và Hóa lý	2003	Không xác định thời hạn		19	2	1	✓
8	Trần Quốc Trị 20/01/1961		Phó Giáo sư 2018	Tiến sĩ, Việt Nam 2012	Hoá lý thuyết và hoá lý	9/1984			38	8	2	✓
9	Lương Thanh Tân 03/12/1963			Tiến sĩ, 2009	Triết học	4/1984	Không xác định thời hạn		38		1	✓

10	Lê Văn Tùng 26/11/1983			Tiến sĩ, 2016	Triết học		Không xác định thời hạn					✓
11	Lê Hồng Phương Thảo 30/9/1971			Tiến sĩ, New Zealand 2021	Ngôn ngữ học ứng dụng	9/1992	Không xác định thời hạn		25		2	✓
12	Lê Thanh Nguyệt Anh 24/7/1977			Tiến sĩ, Việt Nam 2019	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	7/2011	Không xác định thời hạn		11		2	✓
13	Nguyễn Xuân Lộc 07/06/1981		Phó Giáo sư 2020	Tiến sĩ, Đan Mạch 2013	Khoa học môi trường	Mời giảng			18		3	✓
14	Phạm Văn Toàn 28/03/1976		Phó Giáo sư,	Tiến sĩ, CHLB Đức 2011	Khoa học Nông nghiệp	Mời giảng			23	5 bộ, 2 nhà nước, 3 HT quốc tế	3	✓
15	Nguyễn Thanh Hùng 11/08/1980			Tiến sĩ, Ba Lan 2019	Kỹ thuật môi trường, khai thác mỏ và năng	Mời giảng			19	1-nhà nước	4	✓

					lượng							
16	Nguyễn Thanh Giao 20/12/1982		Phó Giáo sư 2021	Tiến sĩ, Thái Lan 2017	Quản lý Môi trường	Mời giảng			15		8	✓
17	Nguyễn Văn Công 19/09/1969		Phó Giáo sư	Tiến sĩ, Đan Mạch, 2006	<i>Động học sinh thái</i>	Mời giảng			31	3		✓
18	Nguyễn Đình Giang Nam 05/9/1979		Phó Giáo Sư, 2022	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2017	<i>Kỹ thuật và mô hình nguồn nước</i>	Mời giảng			18	1 tỉnh, 4 HT quốc tế	1	✓
19	Trần Sỹ Nam 24/03/1982		Phó Giáo Sư, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	<i>Môi trường Đất và nước</i>	Mời giảng			17	2 HT quốc tế	2	✓
20	Nguyễn Xuân Hoàng 01/11/1975			Tiến sĩ, CHLB Đức, 2011	<i>Quản lý chất thải và xử lý vùng ô nhiễm</i>	Mời giảng			24	6 HT quốc tế	3	✓

Xác nhận của Phòng TC-CB

(Ký tên xác nhận)



Trần Văn Phúc

Mẫu 2: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG, TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	Đúng với hồ sơ
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Lê Thanh Nguyệt Anh	Tiếng Anh	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức đại cương trong CTĐT	✓
	Lê Hồng Phương Thảo								
2	Lê Văn Tùng	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức đại cương trong CTĐT	✓
	Trần Quang Thái								
	Lương Thanh Tân								
3	Lê Diễm Kiều	Sinh thái môi trường ứng dụng	Học kỳ 1, năm thứ 1	2	1			Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức Cơ sở ngành trong CTĐT	✓
	Phạm Quốc Nguyên								
4	Hồ Sỹ Thắng	Hóa Kỹ thuật Môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức Cơ sở ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Văn Hưng								

	Trần Quốc Trị								
5	Phạm Quốc Nguyên	Phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức Cơ sở ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Văn Hưng								
	Hồ Sỹ Thắng								
6	Nguyễn Thị Phương	Quản lý môi trường đất, nước và công nghệ sạch	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức Cơ sở ngành trong CTĐT	✓
	Lê Diễm Kiều								
7	Hà Danh Đức	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức Cơ sở ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Thị Hải Lý								
8	Nguyễn Xuân Lộc	Biến đổi khí hậu và thích ứng	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức Cơ sở ngành trong CTĐT	✓
	Phạm Quốc Nguyên								
9	Nguyễn Thị Hải Lý	Đánh giá chất lượng môi trường và kiểm soát ô nhiễm	Học kỳ 2, năm thứ 1	2	1			Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Phạm Quốc Nguyên								
10	Nguyễn Văn Công;	Đánh giá tác động môi		3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến	✓

	Phạm Quốc Nguyên	trường chiến lược	Học kỳ 1, năm thứ 2					thức chuyên ngành trong CTĐT	
11	Nguyễn Thị Phương	Quy hoạch sử dụng đất và Môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Thị Hải Lý								
12	Hà Danh Đức	Vi sinh vật ứng dụng trong môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Thị Hải Lý								
13	Lê Diễm Kiều	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	Học kỳ 1, năm thứ 1	2	1	1		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Phạm Quốc Nguyên								
14	Nguyễn Đình Giang Nam	Mô hình hóa trong quản lý môi trường nước và không khí	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Thị Hải Lý								
15	Nguyễn Thị Hải Lý	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Lê Diễm Kiều								
16	Nguyễn Thanh Giao	Quản lý tổng hợp chất thải rắn và hóa chất độc hại	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Thị Hải Lý								

17	Nguyễn Đình Giang Nam	Quản lý lưu vực sông	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	
	Hà Danh Đức								
18	Nguyễn Xuân Lộc	An toàn, sức khỏe và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Lê Diễm Kiều								
19	Nguyễn Văn Công	Đánh giá rủi ro môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 1			2		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Phạm Quốc Nguyên								
20	Phạm Quốc Nguyên	Xử lý số liệu thống kê Môi trường	Học kỳ 2, năm thứ 1			2		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Trần Sỹ Nam								
21	Nguyễn Xuân Hoàng	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Thanh Hùng								
	Nguyễn Thị Phương								
22	Phạm Văn Toàn	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí nâng cao	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Xuân Hoàng								
	Lê Diễm Kiều								
23	Nguyễn Thanh Hùng	Kỹ thuật xử lý nước thải và nước cấp nâng cao	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Lê Diễm Kiều								

24	Nguyễn Thanh Giao	Ứng dụng GIS và viễn thám trong môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2			3		Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức chuyên ngành trong CTĐT	✓
	Nguyễn Thị Hải Lý								
25	Bộ môn KHMT	Thực tập chuyên ngành môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức thực tập nghề nghiệp trong CTĐT	✓
26	Bộ môn KHMT	Thực tập quản lý tài nguyên và môi trường	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức thực tập nghề nghiệp trong CTĐT	✓
27	Bộ môn KHMT	Luận văn tốt nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	9				Giảng viên giảng dạy môn thuộc kiến thức Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ trong CTĐT	✓

Xác nhận của Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường

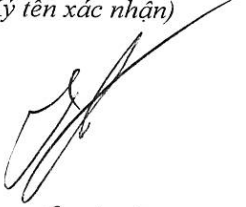
(Ký tên xác nhận)

Phạm Quốc Nguyên

Mẫu 3: DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP KHOA ĐỐI VỚI NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

STT	Họ và tên, ngày sinh, Chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Đúng với hồ sơ
1	Phạm Quốc Nguyên, 31/8/1978 Trưởng Khoa	Tiến sĩ 2017	Môi trường đất và nước	
2	Phạm Thế Hùng, 13/05/1985 Phó Trưởng Khoa	Thạc sĩ 2009	Bản đồ, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	
3	Lê Diễm Kiều, 21/04/1983 Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ 2019	Môi trường đất và nước	

Xác nhận của Đại diện đơn vị quản lý nhân sự
(Ký tên xác nhận)


Phạm Quốc Nguyên

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Đúng với hồ sơ
1	QĐ số 28/QĐ-ĐHĐT ngày 9/5/2019, SPD2019.01.14	Cơ sở	Sản xuất phân hữu cơ từ bùn thải thủy sản và ứng dụng làm dung dịch dinh dưỡng trong canh tác thủy canh rau xà lách (<i>lactuca sativar L.</i>)	Nguyễn Thị Phương	QĐ số 14/QĐ-ĐHĐT ngày 22/04/2020	29/4/2020	Đạt		✓
2	QĐ số 141/QĐ-ĐHĐT ngày 14/7/2020, SPD2020.01.12	Cơ sở	Ảnh hưởng của các loại giá thể và dung dịch dinh dưỡng đến năng suất, chất lượng cải bó xôi"	Nguyễn Thị Phương	QĐ số 51/QĐ-ĐHĐT ngày 19/5/2021	24/5/2021	Đạt		✓
3	Quyết định số 28/QĐ-ĐHĐT ngày 09/05/2019 SPD 2019.01.13	Cơ sở	Ảnh hưởng của nhân tố môi trường đất và con người đến sự phân bố và đa dạng của nguồn	Nguyễn Thị Hải Lý	Số 271/QĐ-ĐHĐT ngày 19/11/2020	07/12/2020	Đạt	Lư Ngọc Trâm Anh	✓

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Đúng với hồ sơ
			tài nguyên thực vật ở ba vùng sinh thái tỉnh An Giang						
4	Số 36/QĐ-SKHCN, 12/02/2018	Đề tài cơ sở Tỉnh	Nghiên cứu thành phần cơ chất có sẵn tại địa phương để trồng nấm vân chi đỏ	Trần Đức Tường	Số 65/QĐ-SKHCN, 11/5/2020	14/5/2020	Khá	Nguyễn Thị Hải Lý	✓
5	Quyết định số 188/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 7 năm 2018 SPD2018.01.22	Cơ sở	Xây dựng cơ sở dữ liệu thực vật ngập mặn ở VQG Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Lư Ngọc Trâm Anh	Số 121/QĐ-ĐHĐT ngày 29/6/2020	10/7/2020	Đạt	Nguyễn Thị Hải lý	✓
6	B2016.SPD.01	Cấp Bộ	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và hiệu quả kiểm soát một số sâu mọt bộ Cánh cứng (Coleoptera) gây hại ngũ cốc trong kho ở Đồng bằng	Nguyễn Thị Oanh	Số 5643/QĐ-BGDĐT, 28/12/2018	21/02/2019	Đạt	Hà Danh Đức	✓

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Đúng với hồ sơ
			sông Cửu Long của ong <i>Anisopteromalus calandrae</i> (Howard)						
7	SPD2017.01.28	Cơ sở	Phân lập các dòng vi sinh vật phân giải cellulose từ rác thải lá cây trong Trường đại học Đồng Tháp	Hà Danh Đức	Số 115/QĐ-ĐHĐT, 28/5/2018	30/7/2018	Đạt		✓
8	B2019.SPD.04	Bộ	Phân lập và đánh giá khả năng phân hủy hoạt chất propanil trong thuốc trừ cỏ của vi khuẩn	Hà Danh Đức	Số 1228/QĐ-BGDĐT, 09/4/2021	11/5/2021	Khá		✓
9	Quyết định số 408/QĐ-ĐHĐT ngày 05/5/2020 SPD2020.01.11	Cơ sở	Ảnh hưởng của thủy triều và đặc tính thổ nhưỡng đến sự phân bố của thực vật ngập	Lư Ngọc Trâm Anh	Số 135/QĐ-ĐHĐT, 25/6/2021		Đạt	Nguyễn Thị Hải Lý	✓

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Đúng với hồ sơ
			mặn ở Cồn Ông Trang, VQG Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau.						✓
10	Quyết định số 263/QĐ-ĐHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2015 CS2015.01.23	Cơ sở	Nghiên cứu sự phân bố và đa dạng thực vật bậc cao trên các sinh cảnh khác nhau của vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang	Nguyễn Thị Hải Lý	Số 224/QĐ-ĐHĐT, 14/12/2016	28/12/2016	Đạt		✓
11	Số 649/QĐ-ĐHĐT, 30/06/2014, CS2014.01.17	Cơ sở	Nghiên cứu điều chế vật liệu nano N/TiO ₂ và W/TiO ₂ có hoạt tính quang xúc tác cao trong vùng ánh sáng nhìn thấy	Nguyễn Văn Hưng	Số 208/QĐ-ĐHĐT, 05/06/2015	11/06/2015	Tốt		✓
12	Số 4801/BGDDT-KHCNMT, 06/09/2014	Bộ	Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng các vật liệu nano	Nguyễn Văn Hưng	Số 294/QĐ-BGDĐT, 25/01/2018	10/03/2018	Đạt		✓

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Đúng với hồ sơ
			N-TiO ₂ , W-TiO ₂ và N, W-TiO ₂ trên nền bentonit để xử lý nước thải chế biến thủy sản tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp						✓
13	Mã số B2009-20-19	Bộ	Nghiên cứu tổng hợp SiO ₂ và hệ vật liệu xúc tác SBA-16 từ trấu	Hồ Sỹ Thắng	Số 2114/QĐ-BGDĐT, 27/5/2010	21/8/2010	Tốt		✓
14	Số 2606/QĐ-BGDĐT, 29/7/2016, B2017.SPD.03	Bộ	Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ từ than bùn để xử lý nước thải ao nuôi cá tra	Hồ Sỹ Thắng	Số 2191/QĐ-BGDĐT, 31/07/2019	23/8/2019	Đạt		✓
15	Số 75/QĐ-ĐHSPĐT-QLKH, 25/02/2008, HH10/08	Cơ sở	Tổng hợp TiO ₂ bằng phương pháp siêu âm và ứng dụng của vật liệu này trong xúc tác bảo vệ môi trường	Hồ Sỹ Thắng	Số 746/QĐ-ĐHĐT-QLKH, 01/12/2008	05/12/2008	Khá		✓

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Đúng với hồ sơ
-----	---	-----------------------------------	------------	---------------------	--	------------------------------	--------------------------	--	-------------------

Xác nhận của Đại diện đơn vị quản lý Khoa học và công nghệ

(Ký tên xác nhận)


Phạm Trọng Nam

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Khoa học môi trường trong thời gian 5 năm:

STT	Công trình khoa học	Đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	[1]. Nguyễn Thị Phương, Lâm Ngọc Tuyết, Nguyễn Mỹ Hoa, Đỗ Thị Xuân, (2017) “<i>Sử dụng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của nhà máy chế biến thủy sản trong ủ phân hữu cơ</i>”. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 1859-4581 (số 5, tr.54-61). [2]. Nguyễn Thị Phương, Lâm Ngọc Tuyết, Nguyễn Mỹ Hoa, Đỗ Thị Xuân, (2017) “<i>Sử dụng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của nhà máy sản xuất bia trong ủ phân hữu cơ</i>”. Tạp chí Khoa học đất (Vietnam soil science), Hội Khoa học đất Việt Nam ISSN 2525-2216 số 50, tr.47-52. [3]. Đỗ Thị Xuân, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Mỹ Hoa, Trần Nam Kha và Trương Thùy Linh (2017). “<i>Hiệu quả của bùn thải bia và bùn cá được xử lý phơi nắng trên sinh trưởng và năng suất rau trồng trong nhà lưới</i>”. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô Số 02, Tr. 81-96. [4]. Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Mỹ Hoa, và Đỗ Thị Xuân. (2018). “<i>Ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh từ nguồn bùn thải bia, thủy sản lên sinh trưởng và năng suất cây đậu bắp</i>.” Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-1558, 2(87), 7-10. [5]. Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Mỹ Hoa, Đỗ Thị Xuân, 2018. “<i>Sản xuất và đánh giá hiệu quả phân hữu cơ vi sinh từ bùn thải nhà máy sản xuất bia và nhà máy chế biến thủy sản trên năng suất cây rau</i>”. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Tập 54, 81-89. [6]. Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Mỹ Hoa, Đỗ Thị Xuân, 2018. “<i>Hiệu quả phân hữu cơ vi sinh bùn thải biến thủy sản lên năng suất cây bí đao</i>”. Tạp chí Khoa học đất, Hội Khoa học đất Việt Nam số 50, tr.19-24. [7]. Nguyễn Thị Phương, 2020. “<i>Hiệu quả sử dụng phân hữu cơ từ bùn thải thủy sản làm giá thể và dung dịch dinh dưỡng thủy canh trên năng suất cây rau</i>”. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, số 44 (đã duyệt đăng). [8]. Nguyễn Thị Diễm Trinh, Lê Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Phương, 2020. “<i>Nghiên cứu xử lý bã cà phê làm giá thể trồng rau muống (ipomoea aquatic) theo phương pháp thủy canh</i>”. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Tập 9, số 3/2020, tr 73-79. [9]. Nguyễn Hồ, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Phương, Lư Ngọc Trâm Anh, Nguyễn Thị Hải Lý và Nguyễn Thị Hồng Điệp, 2020. “<i>Đánh giá sự thay đổi đất ngập nước vùng đồng thấp mười bằng tư liệu ảnh viễn thám Landsat</i>”. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 65, 3/2020, tr 194-204. [10]. Nguyen Thi Phuong, 2020. “<i>Efficiency of using organic fertilizer from seadfood sludge as substrate and hydroponic solution on leaf vegetable yield</i>”. Dong Thap University Journal of Science, Natural Sciences Issue, Volume 9, Number 5/2020, p100-108. [11]. Nguyễn Thị Phương và Phạm Văn Hiệp, 2021. “<i>Ủ phân hữu cơ từ phân bò phối trộn với phân xanh và đánh giá hiệu</i>	✓	

	quả trên năng suất mầm rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>)". Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Tập 10, Số 3, tr 101-106 [12]. Nguyen Thi Phuong, 2021. "Growth and quality characteristics of spinach (<i>Sinacia oleraceae</i> L.) in various substrate cultures". Dong Thap University Journal of Science, Natural Sciences Issue, Volume 10, Number 5/2021, p 55-61. [13]. Nguyễn Thị Phương, Lư Ngọc Trâm Anh và Nguyễn Thị Hải Lý, 2021. "Ảnh hưởng của hệ thống đê bao đến một số tính chất đất trồng lúa và màu tại tỉnh Đồng Tháp" Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, Số 10 (131)/2021, tr.106-113.		
2	[1]. Nguyen Thi Hai Ly, Lu Ngoc Tram Anh and Nguyen Ho (2021), "Application of multivariate statistical analysis in ecological environment research", Dong Thap University Journal of Science 10 (5), 115-120. [2]. Nguyen Thi Hai Ly and Lu Ngoc Tram Anh (2020), "The impacts of soil and local humans on plant distribution and diversity in the fluvial floodplain, an giang province", Dong Thap University Journal of Science 9 (5), 109-120. [3]. Nguyễn Hồ, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Phương, Lư Ngọc Trâm Anh, Nguyễn Thị Hồng Điệp và Nguyễn Thị Hải Lý (2020), "Đánh giá sự thay đổi đất ngập nước vùng đồng tháp mười bằng tư liệu ảnh viễn thám landsat", HNUE JOURNAL OF SCIENCE 65 (Natural Sciences), 193-203 [4]. Lư Ngọc Trâm Anh, Nguyễn Thị Hải Lý (2020), Đặc điểm của các quần xã thực vật ngập mặn Mũi Cà Mau, Tạp chí Rừng và Môi trường, Số 99-100, 42-46. [5]. Nguyễn Thị Hải Lý, Lư Ngọc Trâm Anh, Trần Quốc Minh và Nguyễn Hữu Chiêm (2018), "Tài nguyên thực vật bậc cao theo điều kiện môi trường đất ở vùng đồi núi thấp, tỉnh An Giang", Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Nông nghiệp): 106-116. [6]. Nguyễn Thị Hải Lý và Nguyễn Hữu Chiêm (2017), "Khảo sát thành phần loài thực vật bậc cao theo các loại đất ở vùng đồng lụt hồ, tỉnh An Giang", Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu (2): 120-128. [7]. Nguyễn Thị Hải Lý, Lư Ngọc Trâm Anh, Huỳnh Thị Tròn và Nguyễn Hữu Chiêm (2017), "Đa dạng tài nguyên cây thuốc ở Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang", Hội nghị Tài nguyên sinh vật và sinh thái toàn quốc lần thứ 7, Hà Nội. 1332-1339. [8]. Lư Ngọc Trâm Anh, Viên Ngọc Nam, Nguyễn Thị Phương Thảo và Nguyễn Thị Hải Lý (2018), "Ảnh hưởng của một số đặc tính thổ nhưỡng đến phân bố thực vật ngập mặn ở Cồn Trong, cửa Ông Trang, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau", Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Nông nghiệp): 75-80. [9]. Lư Ngọc Trâm Anh, Võ Hoàng Anh Tuấn, Viên Ngọc Nam, Nguyễn Thị Hải Lý, Nguyễn Phan Minh Trung (2017), "Dẫn liệu ban đầu về tích tụ carbon trong sinh khối của rừng ngập mặn ở Cồn Ngoài, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau", Hội nghị Tài nguyên sinh vật và sinh thái toàn quốc lần thứ 7, Hà Nội. 1539-1543.	✓	
3	[1]. Lê Diễm Kiều, Nguyễn Thị Anh Đào, Lê Quang Thuận, Huỳnh Như Ý, Phạm Quốc Nguyên, Hans Brix và Ngô Thụy Diễm Trang, 2017. Ảnh hưởng dạng đạm vô cơ lên khả năng sinh trưởng và xử lý đạm của cỏ Mồm mỡ (<i>Hymenachne acutigluma</i>). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần. Thơ. Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu (1): 100-109. [2]. Lê Diễm Kiều, Nguyễn Văn Na, Nguyễn Thị Trúc Linh, Phạm Quốc Nguyên, Hans Brix và Ngô Thụy Diễm Trang, 2017. Ảnh hưởng của mật độ trồng đến sinh trưởng và khả năng hấp thu đạm, lân của cỏ Mồm mỡ (<i>Hymenachne</i>		

	<i>acutigluma</i>). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu (1): 13-21. [3]. Lê Diễm Kiều, Hồ Thanh Paul, Nguyễn Xuân Lộc, Phạm Quốc Nguyên, Nguyễn Văn Công và Ngô Thụy Diễm Trang, 2017. Khả năng xử lý nước thải ao nuôi thâm canh cá Tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của cỏ Mồm mỡ (<i>Hymenachne acutigluma</i>) trong hệ thống đất ngập nước kiến tạo dòng chảy mặt có sục khí. Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 23: 89-96. [4]. Kieu L. D., N. V. Dao, P. Q. Nguyen and N. T.h Giao, 2018. Effects of nitrogen and phosphorus on growth of <i>Hymenachne acutigluma</i> and uptake of nitrogen and phosphorus containing wastewater from catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) pond. Imperial Journal of Interdisciplinary Research. 4 (1): 74-81. [5]. Lê Diễm Kiều, Trần Tấn Đạt, Nguyễn Xuân Lộc, Phạm Quốc Nguyên, Nguyễn Văn Công và Ngô Thụy Diễm Trang, 2018. Khả năng xử lý nước thải ao nuôi thâm canh cá Tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của hệ thống đất ngập nước kiến tạo dòng chảy mặt liên tục kết hợp với cỏ Mồm mỡ (<i>Hymenachne acutigluma</i>). Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 5: 103-110. [6]. Le Diem Kieu, Pham Quoc Nguyen, Tran Thi Tuoi, Ngo Thuy Diem Trang, 2018. Effects of phosphorus in the wastewater from intensive catfish farming ponds on the growth and phosphorus uptake of <i>Hymenachne acutigluma</i> (Stued.). Tạp chí sinh học - Cademia journal of biology. 40 (4): 29-36. [7]. Lê Diễm Kiều, Phạm Quốc Nguyên, Nguyễn Văn Công, Ngô Thụy Diễm Trang, 2019. Tải lượng đạm, lân của ao nuôi thâm canh cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) ở vùng nuôi ven sông chính và kênh nội đồng khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3+4/2019: 211-219. [8]. Le Diem Kieu, Pham Quoc Nguyen, Hans Brix, Ngo Thuy Diem Trang, 2020. Phytoremediation Potential of <i>Hymenachne acutigluma</i> in Removal of Nitrogen and Phosphorus from Catfish Pond Water. J. Environ. Treat. Tech. 8(1): 448-454. [9]. Le Diem Kieu, Pham Quoc Nguyen, Ha Danh Duc, 2021. Treatment of wastewater from intensive striped catfish farming using <i>Hymenachne acutigluma</i> in batch surface-constructed wetland. Environment Protection Engineering. 1 (47): 29-40. [10]. Lê Diễm Kiều, Nguyễn Minh Chơn, 2021. Nghiên cứu đặc điểm hình thái của các giống sen (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.) lấy hạt ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 419: 65-70. [11]. Nguyễn Văn Công, Đinh Thị Kim, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Quốc Nguyên, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Hữu Chiêm, Lê Diễm Kiều. 2021. Ủ phân từ bèo tai tượng (<i>Pistia stratiotes</i> L.) và thử nghiệm trồng rau muống (<i>Ipomoea aquatic</i>). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 22: 42-50. [12] Lê Thị Mộng Kha, Hồ Vũ Khanh, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Hữu Chiêm, Nguyễn Văn Công, Seishu Tojo, Lê Diễm Kiều. 2022. Đánh giá khả năng sinh khí metan trong quá trình ủ yếm khí của vật liệu rế và lá bèo tai tượng (<i>Pistia stratiotes</i> L.). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 1(4): 61-66.		
4	[1] Lê Diễm Kiều, Nguyễn Thị Anh Đào, Lê Quang Thuận, Huỳnh Như Ý, Phạm Quốc Nguyên, Hans Brix, Ngô Thụy Diễm Trang (2017). Ảnh hưởng dạng đạm vô cơ lên khả năng sinh trưởng và xử lý đạm của cỏ mồm mỡ (<i>Hymenachne acutigluma</i>). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu.		

	[2] Kieu L. D., N. V. Dao, P. Q. Nguyen and N. T.h Giao, 2018. Effects of nitrogen and phosphorus on growth of <i>Hymenachne acutigluma</i> and uptake of nitrogen and phosphorus containing wastewater from catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) pond. Imperial Journal of Interdisciplinary Research. 4 (1): 74-81. [3] Lê Diễm Kiều, Trần Tấn Đạt, Nguyễn Xuân Lộc, Phạm Quốc Nguyên, Nguyễn Văn Công và Ngô Thụy Diễm Trang, 2018. Khả năng xử lý nước thải ao nuôi thâm canh cá Tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của hệ thống đất ngập nước kiến tạo dòng chảy mặt liên tục kết hợp với cỏ Mầm mỡ (<i>Hymenachne acutigluma</i>). Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 5: 103-110. [4] Le Diem Kieu, Pham Quoc Nguyen, Tran Thi Tuoi, Ngo Thuy Diem Trang. (2018) Effects of phosphorus in the wastewater from intensive catfish farming ponds on the growth and phosphorus uptake of <i>Hymenachne acutigluma</i> (Stued.) Tạp chí sinh học - Cademia journal of biology. Vol 40, No 4 (2018) [5] Lê Diễm Kiều, Phạm Quốc Nguyên, Nguyễn Văn Công, Ngô Thụy Diễm Trang. 2019. Tải lượng đạm, lân của ao nuôi thâm canh cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) ở vùng nuôi ven sông chính và kênh nội đồng khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3+4/2019 [6] Nguyễn Văn Công, Nguyễn Xuân Khuê, Huỳnh Thị Giàu, Nguyễn Đăng Khoa, Huỳnh Văn Thảo, Huỳnh Công Khánh, Nguyễn Thanh Giao, Trần Sỹ Nam, Phạm Quốc Nguyên, Mitsunori Tarao. “Độc cấp tính và ảnh hưởng của Marshal 200sc lên hoạt tính cholinesterase và sinh trưởng cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>). Tạp 55, Số CĐ Môi trường (2019) Trang: 135-141. [7] Le Diem Kieu , Pham Quoc Nguyen , Hans Brix , Ngo Thuy Diem Trang. Phytoremediation Potential of <i>Hymenachne acutigluma</i> in Removal of Nitrogen and Phosphorus from Catfish Pond Water, 2020. J. Environ. Treat. Tech. 8(1): 448-454. [8] Nguyễn Văn Công, Trần Sỹ Nam, Huỳnh Công Khánh, Huỳnh Văn Thảo, Phạm Văn Tươi, Nguyễn Thị Thùy, Phạm Quốc Nguyên. Biến động chất lượng nước mặt trên sông Hậu trong phạm vi thị trấn Mái Dầm huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang, 2020. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Khoa học công nghệ kỳ 2 6/2020: 97-105. [9] Le Diem Kieu, Pham Quoc Nguyen, Ha Danh Duc, 2021. Treatment of wastewater from intensive striped catfish farming using <i>Hymenachne acutigluma</i> in batch surface-constructed wetland. Environment Protection Engineering. 1 (47): 29-40. [10] Nguyễn Văn Công, Đinh Thị Kim, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Quốc Nguyên, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Hữu Chiêm, Lê Diễm Kiều. 2021. Ủ phân từ bèo tai tượng (<i>Pistia stratiotes</i> L.) và thử nghiệm trồng rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 22: 42-50.	✓	
5	[1]. Nguyễn Văn Hưng, Nguyễn Hữu Nghị, Ngô Sỹ Lương (2017), “Điều chế vật liệu nano N-TiO₂ trên bentonit để phân huỷ xanh metylen trong nước dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy”, Tạp chí Hóa học, T.55, Số 3e12, Tr. 114-119. [2]. Nguyễn Văn Hưng, Lê Thanh Tuyền, Nguyễn Ngọc Bích (2017), “Điều chế các hạt nano SiO₂ từ tro trấu bằng phương pháp hoà tan - kết tủa có mặt ethylene glycol để hấp phụ xanh metylen”, Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam, T. 6, Số 3No, Tr. 66-71. [3]. Nguyễn Văn Hưng (2017), “Cố định các hạt nano W-TiO₂ trên bentonit để phân huỷ quang xúc tác xanh metylen trong nước dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy”, Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam, T. 6, Số 4No, Tr. 94-99.		

- [4]. Bùi Thị Minh Nguyệt, Phạm Thế Lâm, **Nguyễn Văn Hưng** (2017), “Điều chế vật liệu nano N-ZnO có hoạt tính quang xúc tác cao trong vùng ánh sáng nhìn thấy bằng phương pháp thủy nhiệt”, Tạp chí Hóa học, T. 55(5E34), Tr. 368-372.
- [5]. **Nguyễn Văn Hưng**, Lê Vũ Phong, Nguyễn Hữu Nghị (2017), “Cổ định các hạt nano N, W-TiO₂ trên bentonit để phân hủy quang xúc tác xanh metylen trong nước dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy”, Tạp chí Hóa học, T. 55(5E34), Tr. 373-378.
- [6]. **Nguyễn Văn Hưng**, Ngô Sỹ Lương (2017), “Điều chế vật liệu nano W-TiO₂/Bentonit có hoạt tính quang xúc tác cao dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy bằng phương pháp thủy phân”, Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học, Tập 22, Số 4, Tr. 37-44.
- [7]. **Nguyễn Văn Hưng**, Ngô Sỹ Lương (2017), “Cổ định các hạt nano N-TiO₂ trên bentonit để phân hủy quang xúc tác xanh metylen trong nước dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy”, Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học, Tập 22, Số 4, Tr. 45-52.
- [8]. **Nguyễn Văn Hưng**, Lê Thanh Tuyền, Nguyễn Ngọc Bích, Phan Trung Cang (2018), “Đánh giá khả năng xử lý nước thải chế biến thủy sản trên vật liệu nano SiO₂ với quy mô pilot”, Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Số 31, Tr. 87-90.
- [9]. **Nguyễn Văn Hưng**, Lê Vũ Phong, Nguyễn Hữu Nghị, Bùi Thị Minh Nguyệt (2018), “Khảo sát khả năng xử lý nước thải chế biến thủy sản trên chất quang xúc tác N, W-TiO₂/Bentonit”, Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Số 32, Tr. 73-77.
- [10]. **Nguyễn Văn Hưng**, Bùi Thị Minh Nguyệt (2019), “Điều chế vật liệu nano N-ZnO có hoạt tính quang xúc tác cao dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy bằng phương pháp xử lý nhiệt đơn giản”, Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học, Tập 24, Số 1, Tr. 175-180.
- [11]. **Nguyễn Văn Hưng**, Nguyễn Hữu Nghị, Bùi Thị Minh Nguyệt (2019), “Điều chế vật liệu nano N, W-TiO₂/Bentonit để phân hủy quang xúc tác xanh methylen trong dung dịch nước dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy”, Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học, Tập 24, Số 2, Tr. 122-128.
- [12]. Bùi Thị Minh Nguyệt, Phan Thanh Dự, **Nguyễn Văn Hưng** (2019), “Điều chế cacbon hoạt tính từ hạt nhân ứng dụng hấp phụ xanh metylen trong dung dịch nước”. Tạp chí Hóa học, T. 57(4e1,2), Tr. 33-39.
- [13]. Nguyễn Hữu Nghị, **Nguyễn Văn Hưng** (2019), “Ảnh hưởng của lượng SiO₂ đến cấu trúc và hoạt tính quang xúc tác của vật liệu nanocompozit W-TiO₂/SiO₂”. Tạp chí Hóa học, T. 57(4e1,2), Tr. 65-70.
- [14]. **Nguyễn Văn Hưng**, Bùi Thị Minh Nguyệt, Phan Thanh Dự (2019), “Nghiên cứu về sự hấp phụ xanh methylene trong dung dịch nước trên cacbon hoạt tính được điều chế từ hạt nhân”. Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học, Tập 24, Số 4, Tr. 117-125.
- [15]. Nguyễn Hữu Nghị, **Nguyễn Văn Hưng** (2019), “Ảnh hưởng của W(VI) đến cấu trúc và hoạt tính quang xúc tác của vật liệu nano composite W-TiO₂/SiO₂”. Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học, Tập 24, Số 4, Tr. 126-132.
- [16]. **Nguyễn Văn Hưng**, Bùi Thị Minh Nguyệt, Bùi Thị Thuỳ Linh, Nguyễn Hữu Nghị, Nguyễn Thanh Tươi, Nguyễn Anh Tiến, Lê Lâm Sơn (2020), “Sự phân hủy quang xúc tác Rhodamine-B dưới nguồn ánh sáng nhìn thấy bởi các hạt nano ZnO được mang trên carbon hoạt tính làm từ biomass hạt nhân”, Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam, số 9(3), Tr. 1-8.
- [17]. **Nguyễn Văn Hưng**, Bùi Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Kim Nương, Nguyễn Hữu Nghị, Nguyễn Thanh Tươi, Nguyễn Anh Tiến, Lê Lâm Sơn (2020), “Sự hấp phụ các ion Pb(II) và Cd(II) trong dung dịch nước bởi biomass từ cây sậy (phragmites australis) được hoạt hoá”, Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam, số 9(3), Tr. 31-39.
- [18]. **Nguyễn Văn Hưng**, Nguyễn Hữu Nghị, Bùi Thị Minh Nguyệt (2021), “Ảnh hưởng của nồng độ NaOH đến sự tạo

- thành các ống nano TiO₂ được điều chế bằng phương pháp thủy nhiệt dung để phân hủy quang methylene blue”, Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học, Tập 26, số 4A, Tr. 160-167.
- [19]. **Nguyễn Văn Hưng**, Trần Thị Yên Nhi, Nguyễn Hữu Nghị, Bùi Thị Minh Nguyệt (2022), “Tổng hợp các ống nano TiO₂ được pha tạp Fe bằng phương pháp thủy nhiệt để phân hủy quang methylene blue trong nước”, Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam, số 11(1), Tr. 30-37.
- [20]. **Nguyễn Văn Hưng**, Bùi Thị Minh Nguyệt (2022), “Ảnh hưởng của nồng độ pha tạp sắt đến cấu trúc và hoạt tính quang xúc tác của các tấm nano ZnO dưới ánh sáng nhìn thấy”, Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam, số 11(2), Tr. 8-15.
- [21]. Nguyen Thi Vuong Hoan*, Nguyen Ngoc Minh, Thoi Thi Kim Nhi, Nguyen Van Thang, Vu Anh Tuan, Vo Thang Nguyen, Nguyen Mau Thanh, **Nguyen Van Hung***, and Dinh Quang Khieu*, “TiO₂/Diazonium/Graphene Oxide Composites: Synthesis and Visible-Light-Driven Photocatalytic Degradation of Methylene Blue”, Journal of Nanomaterials, Volume 2020, Article ID 4350125. DOI: <https://doi.org/10.1155/2020/4350125>. (SCIE-Q2).
- [22]. Nguyen Thi Oanh, Ha Danh Duc, Dau Thi Hong Ngoc, Nguyen Thi Dieu Thuy, Nguyen Huu Hiep and **Nguyen Van Hung**, “Biodegradation of propanil by Acinetobacter baumannii DT in a biofilm-batch reactor and effects of butachlor on the degradation process”, FEMS Microbiology Letters, Volume 367, Issue 367, 2020. DOI: <https://doi.org/10.1093/femsle/fnaa005>. (SCIE-Q2).
- [23]. Nguyen Le My Linh, Tran Duong, Hoang Van Duc, Nguyen Thi Anh Thu, Pham Khac Lieu, **Nguyen Van Hung**, Le Thi Hoa, and Dinh Quang Khieu, “Phenol Red Adsorption from Aqueous Solution on the Modified Bentonite”, Journal of Chemistry, Volume 2020, Article ID 1504805, 2020. DOI: <https://doi.org/10.1155/2020/1504805>. (SCIE-Q2).
- [24]. **Nguyen Van Hung***, Bui Thi Minh Nguyet, Nguyen Huu Nghi & Dinh Quang Khieu*, “Photocatalytic Degradation of Methylene Blue by Using ZnO/Longan Seed Activated Carbon Under Visible-Light Region”, Journal of Inorganic and Organometallic Polymers and Materials, (2021) 31: 446-459, 2021. DOI: <https://doi.org/10.1007/s10904-020-01734-z>. (SCIE-Q2).
- [25]. Anh Tien Nguyen, Ngoc Tram Nguyen, Irina Yakovlevna Mittova, Nikolai Sergeevich Perov, Valentina Olegovna Mittova, Thi Cam Chuong Hoang, Van My Nguyen, **Van Hung Nguyen**, Vinh Pham, Xuan Vuong Bui, “Crystal structure, optical and magnetic properties of PrFeO₃ nanoparticles prepared by modified co-precipitation method”, Processing and Application of Ceramics, 14 [4] (2020) 355–361. <https://doi.org/10.2298/PAC2004355N>. (SCIE-Q3).
- [26]. A. T. Nguyen, H. L. T. Tran, Ph. U. T. Nguyen, I. Ya. Mittova, V. O. Mittova, E. L. Viryutina, **V. H. Nguyen**, X. V. Bui, T. L. Nguyen, “Sol-gel synthesis and the investigation of the properties of nanocrystalline holmium orthoferrite”, Nanosystems: Physics, Chemistry, Mathematics, 2020, 11 (6), P. 698–704. DOI: <https://doi.org/10.17586/2220-8054-2020-11-6-698-704>. (SCIE-chưa xếp Q).
- [27]. Tien Anh Nguyen, Thanh Le Pham, Irina Yakovlevna Mittova, Valentina Olegovna Mittova, Truc Linh Thi Nguyen, **Hung Van Nguyen** and Vuong Xuan Bui, “Co-Doped NdFeO₃ Nanoparticles: Synthesis, Optical and Magnetic Properties Study”, Nanomaterials 2021, 11, 937. DOI: <https://doi.org/10.3390/nano11040937>. (SCIE-Q1).
- [28]. H. D. Duc, **N. V. Hung**, and N. T. Oanh, “Anaerobic Degradation of Endosulfans by a Mixed Culture of Pseudomonas sp. and Staphylococcus sp.”, Applied Biochemistry and Microbiology, Volume 27, 2021. DOI:

	https://doi.org/10.1134/S0003683821030030. (SCIE-Q4). [29]. Le Thi Thanh Nhi, Nguyen Thi Thanh Tu, Le Thi Hoa, Tran Thanh Tam Toan, Le Van Thanh Son, Nguyen Van Hung, Tran Ngoc Tuyen, Dinh Quang Khieu, “Simultaneous voltammetric determination of ascorbic acid and acetaminophen in pharmaceutical formulations with UiO-66-modified glassy carbon electrode”, Journal of Nanoparticle Research, 23, Article number: 218 (2021). DOI: https://doi.org/10.1007/s11051-021-05327-w. (SCIE-Q2). [30]. Q. M. Vo, V. O. Mittova, V. H. Nguyen, I. Ya. Mittova, and A. T. Nguyen, “Strontium doping as a means of influencing the characteristics of neodymium orthoferrite nanocrystals synthesized by co-precipitation method”, Journal of Materials Science: Materials in Electronics, 32, 26944-26954 (2021). DOI: https://doi.org/10.1007/s10854-021-07068-x. (SCIE-Q2). [31]. Nguyen Van Hung*, Bui Thi Minh Nguyet, Nguyen Huu Nghi, Vo Thang Nguyen, Thai Vu Binh, Nguyen Thi Thanh Tu, Nguyen Nho Dung, Dinh Quang Khieu*, “Visible light photocatalytic degradation of organic dyes using W-modified TiO₂/SiO₂ catalyst”, Vietnam Journal of Chemistry, 2021, 59(5), 621-639. DOI: https://doi.org/10.1002/vjch.202100016. (SCIE-Chưa xếp Q). [32]. Nguyen Thi Kim Chung, Nguyen Anh Tien, Valentina Olegovna Mittova, Chau Hong Diem, Nguyen Thi Truc Linh, Do Tra Huong, Nguyen Van Hung, Irina Yakovlevna Mittova, Bui Xuan Vuong, “Optical and magnetic properties of nano-crystalline orthoferrite holmium synthesized using egg-white precursor”, Journal of Sol-Gel Science and Technology, 104, pages 239–245 (2022). DOI: https://doi.org/10.1007/s10971-022-05914-w. (SCIE-Q2). [33]. Nguyen Van Hung*, Bui Thi Minh Nguyet, Nguyen Huu Nghi, Nguyen Mau Thanh, Nguyen Duc Vu Quyen, Vo Thang Nguyen, Dao Ngoc Nhiem and Dinh Quang Khieu*, Highly effective adsorption of organic dyes from aqueous solutions on longan seed-derived activated carbon, Environ. Eng. Res., 2023; 28(3): 220116. DOI: https://doi.org/10.4491/eer.2022.116 (SCIE-Q2). [34]. Bui Thi Minh Nguyet*, Nguyen Huu Nghi, Nguyen Anh Tien, Dinh Quang Khieu, Ha Danh Duc, and Nguyen Van Hung*, “Enhanced Methylene Blue Adsorption by Chemically Modified Materials Derived from Phragmites australis Stems”. Acta Chimica Slovenica, Vol. 69(4), 811-825, 2022. DOI: http://dx.doi.org/10.17344/acsi.2022.7567 (SCIE-Q3).		
6	[1]. Hà Danh Đức, Nguyễn Thị Kim Khánh, Bùi Minh Triết. 2017. Ảnh hưởng của thuốc diệt cỏ đến số lượng vi khuẩn và thành phần hoá học của đất. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng. 9(118): 89 – 93 [2]. Hà Danh Đức. 2017. Khảo sát sự phân hủy aniline bởi vi khuẩn <i>Pseudomonas moraviensis</i> AN-5. Tạp chí phát triển KH&CN, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh. 1(6): 32–39 [3]. Ha Danh Duc. 2017. Degradation of chlorotoluenes by <i>Comamonas testosterone</i> KT5. Applied Biological Chemistry. 60(4): 457–465 [4]. Ha Danh Duc, Bui Minh Triet. 2017. Biodegradation of aniline by freely suspended and immobilized <i>Pseudomonas moraviensis</i> AN-5. Academia Journal of Biology. 3(59): 303–308 [5]. Ha Danh Duc. 2017. Degradation of leaves and cellulose by <i>Bacillus subtilis</i> CL3 and <i>Pseudomonas aeruginosa</i> CL5 isolated from left waste dumps in Vietnam. Academia Journal of Biology. 39(4): 483–489 [6]. Nguyen Thi Oanh, Ha Danh Duc, Tran Dat Huy, Nguyen Gia Hien, Nguyen Thi Huynh Nhu. 2018. Degradation of 2,4-	✓	

- dichlorophenoxyacetic acid by *Pseudomonas fluorescens* strain HH. Academia Journal of Biology. 40(3): 65–73
- [7]. **Duc Danh Ha**. 2018. Anaerobic degradation of 2,4-dichlorophenoxyacetic acid by *Thauera* sp. DKT. Biodegradation. 29: 499–510
- [8]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Oanh. 2019. Anaerobic degradation of chloroanilines by *Geobacter* sp. KT5. Current of Microbiology. 76(2): 248–257
- [9]. Oanh Nguyen Thi, **Duc Danh Ha**. 2019. Degradation of chlorotoluenes and chlorobenzenes by the dual-species biofilm of *Comamonas testosterone* strain KT5 and *Bacillus subtilis* strain DKT. Annals of Microbiology. 69: 267–277
- [10]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Oanh, Nguyen Gia Hien. 2019. Biodegradation of 2,4-dichlorophenoxyacetic acid and 4-chlorophenol in contaminated soils by *Pseudomonas fluorescens* strain HH. Academia Journal of Biology. 41(3): 67–75
- [11]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Oanh. 2019. Biodegradation of acetochlor and 2-methyl-6-ethylani by *Bacillus subtilis* and *Pseudomonas fluorescens*. Microbiology. 88(6): 729–738
- [12]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Oanh. 2019. Degradation of chlorobenzene and 2-chlorotoluene by immobilized bacteria strains *Comamonas testosterone* KT5 and *Bacillus subtilis* DKT. Academia Journal of Biology. 41(4): 131–138
- [13]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Oanh. 2020. Degradation of p-chlorocresol by facultative *Thauera* sp. strain DO. 3 Biotech. 10: 46
- [14]. Nguyen Thi Oanh, **Ha Danh Duc**, Dau Thi Hong Ngoc, Nguyen Thi Dieu Thuy, Nguyen Huu Hiep and Nguyen Van Hung. 2020. Biodegradation of propanil by *Acinetobacter baumannii* DT in a biofilm-batch reactor and effects of butachlor on the degradation process. FEMS Microbiology Letters, 367(2): fnaa005
- [15]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Oanh. 2020. Application of *Methylopila* sp. DKT for Bensulfuron-methyl degradation and peanut growth promotion. Current Microbiology. 77(8): 1466–1475
- [16]. **Hà Danh Đức**. 2020. Khảo sát sự phân hủy toluene và chlorotoluene bởi vi khuẩn *Comamonas testosterone* KT5 cố định trong alginate. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. 62(6): 1–6
- [17]. Dau Thi Hong Ngoc, **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Dieu Thuy. 2020. Effects of environmental conditions on propanil degrading activity of *Acinetobacter baumannii* DT. Academia Journal of Biology. 42(3): 111–118
- [18]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Dieu Thuy, Huynh Thi Thanh Truc, Nguyen Thi Huynh Nhu, Nguyen Thi Oanh. 2020. Degradation of butachlor and propanil by *Pseudomonas* sp. strain But2 and *Acinetobacter baumannii* strain DT. FEMS Microbiology Letters. 367(18): fnaa151
- [19]. **Ha Danh Duc**, Nguyen Thi Oanh, Ha Huynh Hong Vu. 2020. Acetochlor degradation by a mixed culture of *P. fluorescens* KT3 and *B. subtilis* 2M6E immobilized in alginate. Dong Thap University, Journal of Science. 9(5): 86–92
- [20]. Nguyen Thi Oanh, **Ha Danh Duc**. 2020. An initial investigation of pest species on Dai Loan mango planting in Cao Lanh city, Dong Thap Province, Viet Nam. Dong Thap University, Journal of Science. 9(5): 68–76
- [21]. Nguyễn Thị Oanh, Hoàng Thị Nghiệp, **Hà Danh Đức**. 2020. Diễn biến số lượng trưởng thành rầy hại hoa xoài *Idioscopus nitidulus* (Walker) tại Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hội nghị côn trùng quốc gia lần thứ 10 (proceeding): 503–507

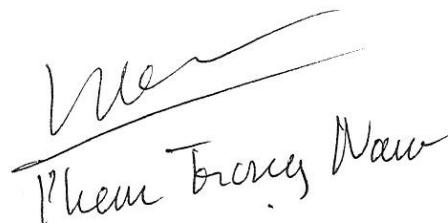
	[22]. Nguyen Thi Oanh, Ha Danh Duc. 2021. Anaerobic degradation of propanil in soil and sediment using mixed bacterial culture. <i>Current Microbiology</i>. 78(4): 1499–1508 [23]. Le Diem Kieu, Pham Quoc Nguyen, Ha Danh Duc. 2021. Treatment of wastewater from intensive striped catfish farming using <i>Hymenachne acutigluma</i> in batch surface-constructed wetland. <i>Environment Protection Engineering</i>. 47: 29–40 [24]. H. D. Duc, N. V. Hung, and N. T. Oanh. 2021. Anaerobic degradation of endosulfans by a mixed culture of <i>Pseudomonas</i> sp. and <i>Staphylococcus</i> sp. <i>Applied Biochemistry and Microbiology</i>. 57: 327–334 [25]. Ha Danh Duc. 2022. Enhancement of carbofuran degradation by immobilized <i>Bacillus</i> sp. strain DT1. <i>Environmental Engineering Research</i>. 27(4): 210158 [25]. Tran Thi Thuy Trang, Dang Phuong Thuy, Dang Tan Thanh, Ha Danh Duc. 2021. Effects of atrazine and butachlor on growth of mung bean (<i>Vigna radiata</i>), water spinach (<i>Ipomoea aquatica</i>) and soil bacteria. <i>Dong Thap University Journal of Science</i>. 10(5): 70-77 [27]. Ha Danh Duc, Nguyen Thi Dieu Thuy, Le Uyen Thanh, Tran Duc Tuong, Nguyen Thi Oanh. 2021. Degradation of diuron by a bacterial mixture and shifts in the bacterial community during bioremediation of contaminated soil. <i>Current Microbiology</i>: 11 [28]. Nguyen Thi Oanh, Ha Danh Duc. 2022. Enhanced anaerobic degradation of thiobencarb using a horizontal-flow anaerobic immobilized biomass bioreactor. <i>FEMS Microbiology Letters</i>. 368: fnac001		
7	[1]. Hồ Sỹ Thắng. 2017. Hấp phụ các chất ô nhiễm trong môi trường nước bằng bã tro trấu biến tính acid citric. <i>Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> [2]. Hồ Sỹ Thắng. 2017. Nghiên cứu xử lý các chất ô nhiễm trong nước thải nông nghiệp của tro trấu biến tính bằng acid citric. <i>Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> [3]. Hồ Sỹ Thắng. 2017. Tính chất hóa lý của mangan oxide có cấu trúc nano được điều chế bằng phương pháp thủ nhiệt. <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> [4]. Hồ Sỹ Thắng. 2017. Biến tính diatomite bằng oxide mangan và ứng dụng hấp phụ ion Cu(II) trong môi trường nước. [5]. Hồ Sỹ Thắng. 2018. Self - aggregation of water - dispersible nanocollagen helices. <i>Biomaterials Science</i> [6]. Hồ Sỹ Thắng. 2018. Chế tạo vật liệu hấp phụ từ than bùn và ứng dụng hấp phụ chất ô nhiễm trong môi trường nước. I: Chế tạo vật liệu từ than bùn. <i>Tạp chí Hóa học</i> [7]. Hồ Sỹ Thắng. 2018. Chế tạo vật liệu hấp phụ từ than bùn và ứng dụng hấp phụ chất ô nhiễm trong môi trường nước. II: Hấp phụ chất ô nhiễm trong môi trường nước. <i>Tạp chí Hóa học</i> [8]. Hồ Sỹ Thắng. 2019. Hấp phụ Cu(II) bằng vật liệu chế tạo từ than bùn. <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> [9]. Hồ Sỹ Thắng. 2019. Xử lý nước thải ao nuôi cá tra bằng vật liệu hấp phụ chế tạo từ than bùn. Phần I: Xử lý nước thải theo từng mẻ. <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> [10]. Hồ Sỹ Thắng. 2019. Xử lý nước thải ao nuôi cá tra bằng vật liệu hấp phụ chế tạo từ than bùn. Phần II: Xử lý nước thải theo mô hình chảy liên tục. <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> [11]. Hồ Sỹ Thắng. 2019. Metal - Organic Framework MIL-101: Synthesis and Photocatalytic Degradation of Remazol		

	Black B Dye. Journal of Nanomaterials [12]. Hồ Sỹ Thắng. 2019. Khả năng giảm ion kim loại Cu(II), Pb(II), Cd(II) trong nước của bột hạt chùm ngây. Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học [13]. Hồ Sỹ Thắng. 2020. ZIF-67/g-C₃N₄-Modified electrode for simultaneous voltammetric determination of uric acid and acetaminophen with cetyltrimethylammonium bromide as discriminating agent. Journal of Nanomaterials.		
8	[1] Quoc Tri Tran, Sheng-Jie Lu, Li-Juan Zhao, Xi-Ling Xu, Hong-Guang Xu, Van Tan Tran, Jun Li, Wei-Jun Zheng (2018), “<i>Spin–Orbit Splittings and Low-Lying Electronic States of AuSi and AuGe: Anion Photoelectron Spectroscopy and ab Initio Calculations</i>”, Journal of Physical Chemistry A (ISI), 2018, 122, 3374–3382. [2] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran (2018), “The Electronic Structures of CoGen–/0 (n = 1–3) Clusters from Multiconfigurational CASSCF/CASPT2 and RASSCF/RASPT2 Calculations”, Journal of Physical Chemistry A (ISI), , 2018, 122, 6407–6415. [3] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran (2018), “Spin State Energetics of VGen–/0 (n = 5–7) Clusters and New Assignments of the Anion Photoelectron Spectra”, Journal of Computational Chemistry (ISI), 2018, 39, 2103–2109. [4] Minh Thao Nguyen, Quoc Tri Tran, Van Tan Tran (2019), “The ground and excited low-lying states of VS₂₀–/+ clusters from CASSCF/CASPT2 calculations”, Chemical Physics Letters (ISI), (721 (2019) 111–116). [5] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran, and Marc F. A. Hendrickx (2019), “Ground and Low-Lying Excited States of NbC₃–/0 Clusters: Assignment of the Anion Photoelectron Spectra from Multiconfigurational Calculations”, Journal of Physical Chemistry A (ISI), 2019, 123, 38, 8265–8273. [6] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran (2019), “Geometric and Electronic Structures of VB₄₀/+ Clusters and Reactivity of the Cationic Cluster with Methane from Quantum Chemical Calculations”, Journal of Physical Chemistry A (ISI), 2019, 123, 42, 9223–9233. [7] Thanh Hue Tran, Quoc Tri Tran, Van Tan Tran (2020), “Mechanism of the reaction of VB₅+ cluster with methane from density functional theory calculations”, Computational and Theoretical Chemistry (ISI), 1173, 2020, 112701. [8] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran (2020), “Low-Lying Electronic States of FeGen–/0 (n = 1–3) Clusters Calculated with Multireference Second-Order Perturbation Theory”, Journal of Physical Chemistry A (ISI), 2020, 124, 20, 4095–4105. [9] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran (2020), “Electronic structures of NbGen–/0/+ (n = 1–3) clusters from multiconfigurational CASPT2 and density matrix renormalization group-CASPT2 calculations”, Journal of Computational Chemistry, 41, 31, 2641-2652. [10] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran (2021), “A density matrix renormalization group investigation on the electronic states of MnGen–/0/+ (n = 1–3) clusters”, International Journal of Quantum Chemistry, 121, 10, e26619.	✓	

[11] Nguyen Minh Thao, Nguyen Thi Hong Hanh, Tran Thanh Tuan, Tran Quoc Tri, Tran Van Tan (2018), "An investigation on the electronic structures of diatomic VSi0/-/+ clusters by CASSCF/CASPT2 method", Vietnam Journal of Chemistry, 56, 4, 483-487. [12] Huỳnh Bạch Phúc Hậu, Nguyễn Minh Thảo, Phan Trung Cang, Trần Quốc Trị, Trần Văn Tân (2018), "Nghiên cứu các trạng thái electron của các cluster MnB0/-/+ bằng phương pháp tính đa cấu hình CASSCF/CASPT2", Tạp chí khoa học Đại học Đồng Tháp, 30, 2018, 95-101. [13] Trần Thị Mỹ Nhân, Nguyễn Minh Thảo, Trần Quốc Trị, Trần Văn Tân (2019), "Nghiên cứu các trạng thái electron của các cluster MnB20/-/+", Tạp chí khoa học Đại học Đồng Tháp, 40, 2019, 53-59. [14] Tran Van Tan, Tran Quoc Tri, Nguyen Minh Thao, Tran Thi Xuan Mai, Nguyen Thi Hong Hanh (2021), "The Low-Lying States of TaGe-/-/+ Clusters from the CASPT2 and DMRG-CASPT2 Calculations", Vietnam Journal of Chemistry, 2021, 59, 383-388. [15] Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Hoàng Khang, Trần Quốc Trị, Bùi Thọ Thanh, Trần Văn Tân (2018), "Nghiên cứu cấu trúc electron của cluster ScSi4-/-/0 bằng phương pháp đa cấu hình CASSCF/CASPT2", Tạp chí khoa học công nghệ Việt Nam, 60(1) 1.2018, Tr 6-13 [16] Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đặng Thị Thu Liễu, Lý Huy Hoàng, Phan Trung Cang, Bùi Văn Thắng, Bùi Thọ Thanh, Trần Quốc Trị, Trần Văn Tân (2019), "Tính toán cấu trúc của các cluster B40/-/+ và MnB30/-/+", Tạp chí Hóa học. 57 (6E1,2) 408-412, 2019. [17] Van Tan Tran, Quoc Tri Tran (2021), "Interpretation of photoelectron spectra of CoGen- (n=4, 5) clusters by multiconfigurational RASPT2 calculations", J Mol Model 27, 131. https://doi.org/10.1007/s00894-021-04753-w.	✓
--	---

Xác nhận của Đại diện đơn vị quản lý Khoa học và công nghệ

(Ký tên xác nhận)


Phạm Trọng Nào

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Khoa học môi trường trình độ Thạc sĩ

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú	Đúng với hồ sơ
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Hội trường								
	- Máy chiếu	- Trung Quốc	1	Cái	Triết học	Học kỳ 1 năm 1	Phục vụ chung cho tất cả học viên		✓
	- Power mixer	- Trung Quốc	1	Cái					
	- Amply cho hệ thống Full và Subwoofer	- Hàn Quốc	2	Bộ					
	- Amply cho hệ thống Monitor	- Hàn Quốc	1	Bộ					
	- Equalizer bộ lọc chống nhiễu	- Việt Nam	2	Bộ					
	- Bộ chia giải tầng	- Trung Quốc	1	Bộ					
	- Effect bộ tạo hiệu quả âm thanh	- Ma-lai-xi-a	1	Cái					
	- Loa Monitor	- Trung Quốc	2	Cái					
	- Loa Full	- Trung Quốc	2	Cái					
	- Loa subwoofer	- Trung Quốc	2	Cái					
	- Máy điều hòa nhiệt độ	- Việt Nam	10	Cái					

	- Hộp cáp nối tín hiệu MSB 20,4/30	- Việt Nam	1	Cái					
	- Tủ đựng dụng cụ	- Việt Nam	1	Cái					
	- Bục để tư ng Bác Hồ	- Việt Nam	1	Cái					
	- Đèn moving heed Beam 230	- Trung Quốc	2	Bộ					
	- Máy vi tính	- Trung Quốc	1	Bộ					
	- Bộ phận phân loại và truyền tín hiệu	- Trung Quốc	1	Bộ					
	- Bộ điều khiển xử lý hình ảnh chuyên dụng	- Trung Quốc	1	Cái					
	- Màn hình Inno led P4	- Trung Quốc	1	Cái					
	- Phần mềm Led chuyên dụng	- Trung Quốc	1	Cái					
	- Đèn Movinghead	- Trung Quốc	3	Cái					
	- Micro không dây	- Trung Quốc	6	Cái					
	- Màn hình cảm ứng liên đầu	- Việt Nam	1	Cái					
	- Ghế hội trường	- Việt Nam	352	Cái					
	- Bàn đại biểu	- Việt Nam	6	Cái					
	- Ghế đại biểu	- Việt Nam	12	Cái					
	- Par Led	- Trung Quốc	12	Cái					
	- Đèn Par led	- Trung Quốc	16	Cái					
	- Bàn điều khiển ánh sáng	- Trung Quốc	2	Cái					
	- Micro để bàn	- Trung Quốc	2	Cái					
	- Máy khói	- Trung Quốc	1						
2	Giảng đường lớn								
	- Ampli	- Việt Nam	1	Cái	Triết học	Học kỳ 1	Phục vụ		

	- Loa thùng - Micro không dây cầm tay - Máy điều hòa nhiệt độ - Màn chiếu treo tường - Micro không dây kèm bộ thu Micro cầm tay không dây, Micro cài ve áo, bộ thu T-521UP - Máy chiếu Sony - Màn chiếu điện - Bảng led - Máy chiếu - Màn chiếu điện - Máy vi tính xách tay - Bảng trang trí - Màn hình Led P414 - Bàn hội trường - Ghế	- Việt Nam - Việt Nam - Trung Quốc - Trung Quốc - Việt Nam - Trung Quốc - Trung Quốc - I-ta-li - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Việt Nam - Việt Nam	4 4 6 1 1 1 1 1 1 1 1 1 6	256	Cái Cái Cái Cái Cái Cái Cái Cái Cái Cái Cái Cái Cái		năm 1	chung cho tất cả học viên (riêng ghế ngồi 1 cái/học viên)		✓
	Phòng học, giảng đường khác									
3	Máy chiếu Màn hình tương tác Màn hình hiển thị Tivi Bàn học sinh Ghế học sinh	- Trung Quốc - Trung Quốc - Trung Quốc - Việt Nam - Việt Nam - Việt Nam	50 52 13 2 1.664 2.036	Cái Cái Cái Cái Cái Cái	Tất cả các học phần	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng chung, riêng ghế 1 cái/người học		✓	

	Bàn học sinh 2 chỗ	- Việt Nam	366	Cái					
	Bàn giáo viên + Ghế	- Việt Nam	74	Cái					
4	Phòng học trực tuyến								
	- Camera trực tuyến	- Đài Loan	1	Cái	Tất cả các học phần cần dạy trực tuyến	Học kỳ 1,2 năm 1	Sử dụng chung		✓
	- Máy vi tính	- Việt Nam	1	Bộ					
	- Amply	- In-đô-nê-xi-a	1	Cái					
	- Micro không dây	- In-đô-nê-xi-a	1	Cái					
	UPS	- Trung Quốc	1	Cái					
	- Bàn giáo viên Hòa Phát HR-120CS	- Việt Nam	1	Cái					
	- Ghế giáo viên Hòa Phát G2	- Việt Nam	1	Cái					
	- Amply	- In-đô-nê-xi-a	1	Cái					
5	Phòng học ngoại ngữ								
	- Máy vi tính xách tay	- Trung Quốc	155	Bộ	Học phần ngoại ngữ	Học kỳ 1, 2 năm 1	Sử dụng cá nhân hoặc nhóm.		✓
	- Máy vi tính để bàn	- Việt Nam	49	Bộ					
	- Tủ xạc cho 36 Laptop	- Trung Quốc	5	Cái					
	- Màn hình LED tương tác	- Trung Quốc	25	Cái					
	- Auto Tracking Camera	- Trung Quốc	5	Cái					
	- Máy quay phim	- Trung Quốc	4	Cái					
	- Camera giám sát và Đầu ghi hình	- Trung Quốc	3	Cái					
	- Bảng trượt ngang 3 lớp	- Việt Nam	6	Cái					
	- Bảng từ Hàn Quốc 2 lớp	- Việt Nam	5	Cái					
	- Bục giảng thông minh	- Đài Loan	5	Cái					
		- In-đô-nê-xi-a	7	Cái					

- Hệ thống âm thanh	- Trung Quốc	3	Cái					
- Hệ thống tương tác kiểm tra đánh giá	- Trung Quốc	3	Cái					
- Máy chiếu	- Trung Quốc	4	Cái					
- Máy thu vật thể	- Trung Quốc	1	Cái					
- Micro cài áo	- Canada	150	Cái					
- Phần mềm phiên bản học viên		42	Cái					
- Phần mềm điều khiển hệ thống phòng học ngoại ngữ thông minh dành cho học viên		1	Cái					
- Phần mềm điều khiển hệ thống phòng Lab ngoại ngữ		43	Cái					
- Phần mềm Homework dành cho học viên và giáo viên làm việc tại nhà Smartclass	- Việt Nam	1	Cái					
- Phần mềm SmartElearning		5	Cái					
- Bàn chuyên dùng cho giáo viên		3	Cái					
- Bàn giáo viên Hòa Phát HR-120CS		60	Cái					
- Bàn học sinh		150	Cái					
- Bàn học viên		155	Cái					
- Bộ phần mềm Let's Talk English A1, A2, B1, B2		199	Cái					
- Bộ tài nghe và Micro chuyên dụng		150	Cái					
- Ghế xoay cho học viên		112	Cái					
- Ghế xếp học sinh		3	Cái					

	- Máy ghi âm kỹ thuật số								
	Phòng thực hành máy tính								
6	- Máy vi tính để bàn	- Trung Quốc	1	Cái	Học viên cần tra cứu thông tin, thực hành các kiến thức tin học của các học phần	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2	Sử dụng cá nhân, nhóm		✓
	- Switch Cisco	- Việt Nam	2	Cái					
	- Cisco	- Việt Nam	2	Cái					
	- Máy vi tính server	- Trung Quốc	1	Cái					
	- Bộ lưu điện UPS	- Việt Nam	1	Cái					
	- Máy vi tính	- Trung Quốc; Việt Nam, Singapore,...	646	Cái					
	- Máy chiếu	- Trung Quốc	16	Cái					
	- Máy điều hòa nhiệt độ	- Trung Quốc; Việt Nam, Thái Lan,...	22	Cái					
	- Bộ chuyển mạch mạng	- Trung Quốc	2	Cái					
	- Phần mềm bản quyền	- Việt Nam,	2	Cái					
	- Switch	Itali	2	Cái					
	- Bàn	- Trung Quốc, Việt Nam	300	Cái					
	- Ghế	- Việt Nam	600	Cái					
	- Tai nghe	- Việt Nam	369	Cái					
		- Trung Quốc, Việt Nam, Itali, ...							
7	Hệ thống quản lý đào tạo và								✓

phần mềm dạy học trực tuyến https://eoffice.dthu.edu.vn https://portal.dthu.edu.vn/ http://hoctructuyen.dthu.edu.vn/									
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Xác nhận của Đại diện đơn vị quản lý cơ sở vật chất
(Ký tên xác nhận)



Vũ Trọng Tài

Mẫu 7: THƯ VIỆN

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú	Đúng với hồ sơ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Tiếng Anh cơ bản (Bài giảng dành cho các lớp cao học)	Thạch, P. N. & cs	Trường Đại học Đồng Tháp (2022)	15	Tiếng Anh 1	GEP.801	HK 1	Tài liệu chính	✓
2	Ket practice tests: Cambridge key English test (1-7) with answers	Annette, C. & Sue, I.	University Press. (2000).	18	Tiếng Anh 1	GEP.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
3	Succeed in IELTS Speaking & Vocabulary.	Betsis, A., Delafuente, S. & Haughton, S.	Global ELT LTD. (2012).	14	Tiếng Anh 1	GEP.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
4	Tactics for Listening: Student's book. Oxford	Jack, C. & Richards, F.	University Press. (2003).	3	Tiếng Anh 1	GEP.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
5	Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội (2021),	10	Triết học	GPN.801	HK 1	Tài liệu tham chính	✓
6	Lịch sử triết học phương Đông,	Doãn Chính (Chủ biên)	NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội	1	Triết học	GPN.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓

			(2015),						
7	Giáo trình Hóa học Môi trường,	Đặng Đình Bạch, Nguyễn Văn Hải	NXB Khoa học KT (2006),	13	Hóa Kỹ thuật Môi trường	ESM.802	HK 1	Tài liệu chính	✓
8	Hóa học Môi trường,	Đặng Kim Chi	NXB Khoa học Kỹ thuật (2008)	5	Hóa Kỹ thuật Môi trường	ESM.802	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
9	Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước,	Lê Trình	NXB Khoa học KT (1997),	4	Hóa Kỹ thuật Môi trường	ESM.802	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
10	Giáo trình Hóa keo và Hấp phụ,	Hồ Sỹ Thắng	NXB Giáo dục (2015)	102	Hóa Kỹ thuật Môi trường	ESM.802	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
11	Giáo trình Biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó	Hồ Quốc Bằng	NXB ĐHQG TP HCM (2016)	5	Biến đổi khí hậu và thích ứng	ESM.806	HK 2	Tài liệu chính	✓
12	Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu	Lê Văn Khoa (Chủ biên)	NXB GIÁO DỤC (2012)	5	Biến đổi khí hậu và thích ứng	ESM.806	HK 2	Tài liệu chính	✓
13	Vi sinh học Môi trường	Hà Danh Đức	NXB ĐH Cần Thơ (2019)	99	Vi sinh vật ứng dụng trong môi trường	ESM.810	HK 2	Tài liệu chính	✓
14	Giáo trình Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường đất, nước và không khí	Nguyễn Thị Hải Lý, Nguyễn Thị Phương và ctv (2020)	NXB Giáo Dục (2021)	100	Đánh giá CLMT và kiểm soát ô nhiễm	ESM.807	HK 2	Tài liệu chính	✓
15	Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi	Lê Trình	NXB KHKH Hà	4	Đánh giá CLMT và	ESM.807	HK 2	Tài liệu chính	✓

	trường nước		Nội (1997)		kiểm soát ô nhiễm				
16	Giáo trình kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí	Đinh Xuân Thắng	NXB Đại Học Quốc Gia (2014)	3	Đánh giá CLMT và kiểm soát ô nhiễm	ESM.807	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
17	Giáo trình công nghệ xử lý chất thải rắn	Đinh Xuân Thắng và Nguyễn Văn Phước	NXB ĐHQG TPHCM (2015)	5	Quản lý tổng hợp chất thải rắn và hóa chất độc hại	ESM.814	HK 3	Tài liệu chính	✓
18	Giáo trình công nghệ xử lý chất thải rắn nguy hại	Trịnh Thị Thanh	NXB Giáo dục, Hà Nội (2011)	5	Quản lý tổng hợp chất thải rắn và hóa chất độc hại	ESM.814	HK 3	Tài liệu chính	✓
19	Quản lý và xử lý chất thải rắn	Nguyễn Văn Phước	NXB ĐHQG TP HCM (2009)	2	Quản lý tổng hợp chất thải rắn và hóa chất độc hại	ESM.814	HK 3	Tài liệu chính	✓
20	Kỹ thuật bảo vệ môi trường công nghiệp	Nguyễn Văn Phước	NXB ĐHQG TP HCM (2015)	3	Quản lý tổng hợp chất thải rắn và hóa chất độc hại	ESM.814	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
21	Sức khỏe môi trường	Trịnh Thị Thanh (2004),	NXB ĐHQG Hà Nội (2004)	1	An toàn sức khỏe và môi trường	ESM.816	HK 3	Tài liệu chính	✓
31	Hướng dẫn chung: Môi trường – Sức khỏe – An toàn		(2010)	5	An toàn sức khỏe và môi trường	ESM.816	HK 3	Tài liệu chính	✓
22	An toàn lao động và môi trường công nghiệp		ĐH SPKT TPHCM (2006)	file	An toàn sức khỏe và môi trường	ESM.816	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
23	Mô hình hóa môi	Bùi Tá Long	Nxb. ĐHQG	3	Mô hình hóa	ESM.812	HK 3	Tài liệu	

	trường,		TPHCM (2014)		trong quản lý môi trường nước và không khí			chính	
24	Giáo trình cơ sở mô hình hóa chất lượng nước mặt.	Đào Nguyên Khôi và ctv	NXB Xây dựng (2017)	3	Mô hình hóa trong quản lý môi trường nước và không khí	ESM.812	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
25	Bài giảng mô hình hóa môi trường		NXB ĐH Cần Thơ (2008)	file	Mô hình hóa trong quản lý môi trường nước và không khí	ESM.812	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
26	Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân (2003)	2	Lượng giá kinh tế TNMT	ESM.813	HK 3	Tài liệu chính	✓
27	Giáo trình kinh tế môi trường	Hoàng Xuân Cơ	NXB Giáo Dục, Hà Nội (2005, 2010)	18	Lượng giá kinh tế TNMT	ESM.813	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
28	Kinh tế môi trường học	Lê Huy Bá và Võ Đình Long	NXB ĐHQG TPHCM (2001)	4	Lượng giá kinh tế TNMT	ESM.813	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
29	Nhập môn phân tích lợi ích chi phí: Kiến thức cần thiết dùng để nghiên cứu kinh tế môi trường và phân tích kinh tế dự án	Trần Võ Hùng Sơn	NXB ĐHQG TPHCM (2003)	3	Lượng giá kinh tế TNMT	ESM.813	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
30	Giáo trình quy hoạch sử dụng đất đai: Land	Lê Quang Trí	Nxb. Đại học Cần	4	Quy hoạch sử dụng đất	ESM.809	HK 3	Tài liệu chính	

	use planning		Thơ (2005)		và môi trường				
31	Giáo trình quy hoạch sử dụng đất	Đoàn Công Quỳ	NXB Nông nghiệp (2006).,	4	Quy hoạch sử dụng đất và môi trường			Tài liệu chính	✓
32	Hệ thống thông tin địa lý Geographical Information Systems (GIS),	Võ Văn Việt .	NXB. Tp.Hồ Chí Minh. (2004)	3	Quy hoạch sử dụng đất và môi trường	ESM.809	HK 3	Tài liệu chính	✓
	Sinh thái học ứng dụng trong quy hoạch và quản lý môi trường	Phạm Văn Quân (chủ biên); Vũ Quyết Thắng; Vũ Đình Ngộ	Nxb: Hà Nội: Xây dựng, 2017		Quy hoạch sử dụng đất và môi trường	ESM.809	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
33	Môi trường và phát triển bền vững,	Lê Văn Khoa, Đoàn, văn Tiến, Nguyễn Song Tùng, Nguyễn Quốc Việt	NXB giáo dục. (2013),	5	Quản lý môi trường đất, nước và công nghệ sạch	ESM.804	HK 2	Tài liệu chính	✓
34	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp,.	Phạm Ngọc Đăng	NXB Nông nghiệp, (2004),	1	Quản lý môi trường đất, nước và công nghệ sạch	ESM.804	HK 2	Tài liệu chính	✓
35	Soil degradation, conservation and remediation.	Osman, K.T.	Springer, (2014.),	2	Quản lý môi trường đất, nước và công nghệ sạch	ESM.804	HK 2	Tài liệu chính	✓
36	Giáo trình ô nhiễm môi trường đất và	Lê Văn Khoa, Nguyễn	NXB. Giáo Dục, Hà	3	Quản lý môi trường đất,	ESM.804	HK 2	Tài liệu tham	✓

	biện pháp xử lý,	Xuân Cự, Trần Thiện Cường, Nguyễn Đình Đáp	Nội. (2012),		nước và công nghệ sạch			khảo	
37	Quản lý và xử lý bùn thải.	Nguyễn Tấn Phong	NXB: T.P. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia T.P. Hồ Chí Minh. (2012).,	5	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao	ESM.819	HK 3	Tài liệu chính	✓
38	Giáo Trình Quản Lý và Xử Lý Chất Thải Rắn.	Nguyễn Văn Phước	NXB Xây Dựng, Hà Nội. (2008),	1	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao	ESM.819	HK 3	Tài liệu chính	✓
39	Giáo Trình Quản Lý Chất Thải Nguy Hại.	Lâm Minh Triết và Lê Thanh Hải	NXB Xây Dựng, Hà Nội. (2006),	1	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao	ESM.819	HK 3	Tài liệu chính	✓
40	Giáo trình ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý,	Lê Văn Khoa, Nguyễn Xuân Cự, Trần Thiện Cường, Nguyễn Đình Đáp	NXB. Giáo Dục, Hà Nội. (2012)	3	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao	ESM.819	HK 3	Tài liệu chính	✓
41	Giáo trình đất có vấn đề sử dụng, bảo vệ và cải tạo.	Nguyễn Xuân Mai	NXB Nông nghiệp. (2013).	5	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao	ESM.819	HK 3	Tài liệu chính	✓
42	Agricultural waste management	Raymond C. Loehr	Canada: Prince Edward Island		Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao	ESM.819	HK 3	Tài liệu chính	✓

43	Giáo trình công nghệ xử lý nước thải,	Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga	Nxb. Khoa học và Kỹ thuật. (2006)	3	Kỹ thuật xử lý nước thải và nước cấp nâng cao	ESM.820	HK 2	Tài liệu chính	
44	Kỹ thuật xử lý nước thải..	Trịnh Lê Hùng	Nxb. Giáo dục (2007)	2	Kỹ thuật xử lý nước thải và nước cấp nâng cao	ESM.820	HK 2	Tài liệu chính	✓
45	Giáo trình ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý,	Lê Văn Khoa, Nguyễn Xuân Cự, Trần Thiện Cường, Nguyễn Đình Đáp	NXB. Giáo Dục, Hà Nội. (2012)	3	Kỹ thuật xử lý nước thải và nước cấp nâng cao	ESM.820	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
46	Giáo trình kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí.	Đinh Xuân Thắng	NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (2014)	3	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí nâng cao	ESM.820	HK 2	Tài liệu chính	✓
47	Mô hình kiểm soát ô nhiễm không khí	Phạm Văn Châu và Đinh Văn Châu	NXB xây dựng (2017)	3	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí nâng cao	ESM.820	HK 2	Tài liệu chính	✓
48	Giáo trình Cơ sở môi trường không khí	Phạm Ngọc Hồ, Đồng Kim Loan và Trịnh Thị Thanh	NXB Giáo dục (2009)	5	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí nâng cao	ESM.820	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
49	Giáo trình động lực học môi trường lớp biên khí quyển	Phạm Ngọc Hồ, Lê Đình Quang	NXB Giáo dục (2009)	5	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí nâng cao	ESM.820	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
50	Bảo vệ môi trường không khí,	Hoàng Thị Hiền, Bùi Sỹ	NXB Xây dựng	1	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm	ESM.820	HK 2	Tài liệu tham	✓

		Lý	(2007)		không khí nâng cao			khảo	
51	Sinh thái môi trường ứng dụng	Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết	NXB ĐHQG TP, Hồ Chí Minh (2015)	2	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu chính	✓
52	Sinh thái học ứng dụng trong quy hoạch và quản lý môi trường	Phạm Văn Quân(chủ biên); Vũ Quyết Thắng; Vũ Đình Ngọc	NXB Xây dựng Hà Nội (2017)	3	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu chính	✓
53	Hệ sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững	Phạm Bình Quyền	NXB Đại học quốc gia Hà Nội (2007)	7	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
54	Chỉ thị sinh học môi trường,	Lê Văn Khoa (ch.b); Nguyễn Xuân Quýnh, Nguyễn Quốc Việt	NXB Giáo Dục (2012)	5	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
55	Sinh thái thủy sinh vật	Nguyễn Đình Mão, Vũ Trung Tạng	NXB Nông Nghiệp (2016)	2	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
56	Đất ngập nước đồng bằng sông cửu long những vấn đề cơ sở và ứng dụng	Trương Thị Nga	NXB Đại Học Cần Thơ (2016)	1	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
57	Sản xuất thông minh trong cách mạng công	Hà Minh Hiệp (ch.b.),	NXB Chính trị quốc gia	3	Ứng Sinh thái môi	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham	

	nghiệp 4.0	Nguyễn Văn Khôi	(2019)		trường ứng dụng			khảo	
58	Bảo vệ môi trường công nghiệp Việt Nam	Lê Huy Bá; Nguyễn Xuân Hoàn	NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (2017)	1	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
59	Sinh thái môi trường đất,	Lê Huy Bá	NXB ĐH Quốc gia Tp HCM (2007)	3	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
60	Địa lý sinh thái môi trường	Nguyễn Thế Thôn	NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội (2007)	4	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
61	Sinh thái học - Hệ sinh thái	Vũ Trung Tạng	NXB Giáo dục (2009)	20	Sinh thái môi trường ứng dụng	ESM.801	HK 1	Tài liệu tham khảo	✓
62	Giáo trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	Nguyễn Văn Phước	NXB ĐHQG TPHCM (2014)	3	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	ESM.811	HK 2	Tài liệu chính	✓
63	Công nghệ xử lý nước thải bằng biện pháp sinh học	Lương Đức Phẩm	NXB Giáo dục (2012)	6	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	ESM.811	HK 2	Tài liệu chính	✓
64	Đất ngập nước đồng bằng sông cửu long những vấn đề cơ sở và ứng dụng	Trương Thị Nga	NXB Đại Học Cần Thơ (2016)	1	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	ESM.811	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
65	Giáo trình sử dụng	Trương Thị	NXB Đại	2	Xử lý nước	ESM.811	HK 2	Tài liệu	

	đất ngập nước nhân tạo kiểm soát ô nhiễm môi trường	Nga, Ngô Thụy Diễm Trang	học Cần Thơ (2012)		thải bằng phương pháp sinh học			tham khảo	
66	Đất ngập nước kiến tạo (Constructed wetland)	Lê Tuấn Anh, Lê Hoàng Việt, Guido Wyseure	NXB Nông nghiệp (2009)	file	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	ESM.811	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
67	Cơ sở khoa học trong công nghệ bảo vệ môi trường - Tập 2: Cơ sở vi sinh học trong công nghệ môi trường	Lương Đức Phẩm (tổng ch.b và ch.b); Đinh Thị Kim Nhung, Trần Cẩm Vân	NXB Giáo dục (2009)	1	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	ESM.811	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
68	Giáo trình Công nghệ xử lý nước thải	Trần Văn Nhân và Ngô Thị Nga	NXB. NXB Khoa học kỹ thuật (2006)	3	Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	ESM.811	HK 2	Tài liệu tham khảo	✓
69	Giáo trình bảo tồn đa dạng sinh học	Lê Diễm Kiều (ch.b.), Phạm Quốc Nguyên, Hà Huỳnh Hồng Vũ	NXB Đại học Cần Thơ (2020)	39	Thực tập chuyên ngành môi trường	ESM.823	HK 3	Tài liệu chính	✓
70	Giáo trình kỹ thuật phân tích môi trường	Nguyễn Thị Kim Phương	NXB KHTN và CN Hà Nội (2017)	3	Thực tập chuyên ngành môi trường	ESM.823	HK 3	Tài liệu chính	✓
71	Giáo trình quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường đất, nước và không	Nguyễn Thị Hải Lý (ch.b); Lư Ngọc Trâm Anh...	NXB Giáo dục (2021)	100	Thực tập chuyên ngành môi trường	ESM.823	HK 3	Tài liệu chính	✓

	khí								
72	Môi trường và đa dạng sinh học: Tuyển chọn các công trình nghiên cứu của giáo sư Võ Quý	Võ Quý	NXB Đại học quốc gia Hà Nội (2018)	1	Thực tập chuyên ngành môi trường	ESM.823	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
73	Quy trình quan trắc và phân tích chất lượng môi trường,	Nguyễn Thị Kim Thái; Lê Thị Hiền Thảo; Trần Đức Hạ..	NXB Xây dựng Hà Nội (2014)	4	Thực tập chuyên ngành môi trường	ESM.823	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
74	Đánh giá tác động môi trường: Giáo trình cho ngành môi trường và ngành quản lí đất đai	Nguyễn Đình Mạnh	NXB Hà Nội: Đại học nông nghiệp (2005)	2	Thực tập chuyên ngành môi trường	ESM.823	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓
75	Công cụ chính sách cho quản lý tài nguyên và môi trường	Thomas Sterner; Đặng Minh Phương dịch	NXB Tổng hợp Tp HCM (2008)	3	Thực tập quản lý tài nguyên và môi trường	ESM.824	HK 3	Tài liệu chính	✓
76	Tài nguyên nước Đồng bằng Sông Cửu Long; Hiện trạng và giải pháp sử dụng bền vững	Trần Văn Tý; Trần Minh Thuận; Lê Anh Tuấn	NXB Đại Học Cần Thơ (2016)	1	Thực tập quản lý tài nguyên và môi trường	ESM.824	HK 3	Tài liệu chính	✓
77	Quản lý chất lượng môi trường	Nguyễn Thị Vân Hà	NXB Đại học Quốc gia T.P. Hồ Chí Minh (2014)	5	Thực tập quản lý tài nguyên và môi trường	ESM.824	HK 3	Tài liệu tham khảo	✓

78	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Đồng Thị Thanh Phương; Nguyễn Thị Ngọc An	NXB Lao động xã hội (2012)	5	Luận văn tốt nghiệp	ESM.800	HK 4	Tài liệu chính	✓
79	Environmental and social impact assessment training of trainers,	Lê Trình	The world Bank. 2015	2	Đánh giá tác động môi trường chiến lược	ESM.808	HK3	Tài liệu tham khảo	✓
80	Giáo trình đánh giá tác động môi trường	Đặng Văn Minh	NXB Nông Nghiệp, 2013	file	Đánh giá tác động môi trường chiến lược	ESM.808	HK3	Tài liệu chính	✓
81	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	Lưu Xuân Mới	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. 2003	26	Phương pháp nghiên cứu khoa học Môi Trường	ESM.803	HK1	Tài liệu chính	✓
82	Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, 2007	11	Phương pháp nghiên cứu khoa học Môi Trường	ESM.803	HK1	Tài liệu chính	✓

Xác nhận của Đại diện quản lý Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng
(Ký tên xác nhận)


Trần Thị Kim Trang

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Khoa học môi trường, trình độ Thạc sĩ

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú	Đúng với hồ sơ
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Phòng thí nghiệm vi sinh			Cải, bộ	Tất cả các học phần chuyên ngành như: Vi sinh vật ứng dụng trong môi trường; Đánh giá chất lượng môi trường và kiểm soát ô nhiễm; Thực tập chuyên ngành quản lý tài nguyên;	Học kỳ 1, 2 năm 1 Học kỳ 1, 2 năm 2			
	Máy vi tính	Trung Quốc	1						
	Micropipette (10µl) (10-100)	Việt nam	1						
	Tủ lạnh Sanyo trữ mẫu (tủ lạnh thường)	Việt nam	1						
	Máy điều hoà nhiệt độ	Ma-lai-xi-a	1						
	Máy lắc ống nghiệm	Mỹ	2						
	Micropipette dung lượng 5-50µl	Đức	1						
	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu	Mỹ	1						
	Máy đo lưu lượng khí, đo áp suất, đo nhiệt độ	Pháp	1						
	Máy định vị cầm tay GPS	Đài loan	2						
	Máy đo oxy hòa tan	Ru-ma-ni	2						
	Máy lắc ngang	Trung Quốc	2						
	Máy đo cường độ ánh sáng	Đài loan	1						
	Máy đo tốc độ gió, nhiệt độ, độ ẩm	Đài loan	1						

Cân phân tích 04 số lẻ	Trung Quốc	1	Thực tập chuyên ngành khoa học môi trường; Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học; Quản lý tổng hợp chất thải rắn và hóa chất độc hại; Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao; Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí nâng cao; Kỹ thuật xử lý nước thải và nước cấp nâng cao; Luận văn tốt nghiệp					
Máy lắc ống nghiệm	Trung Quốc	2						
Micropipet (dụng cụ hút mẫu định lượng)	Đức	2						
Trạm thời tiết di động	Trung Quốc	1						
Máy đo độ dẫn EC/ mặn/ nhiệt độ cầm tay	Ru-ma-ni	1						
Bộ khoan lấy mẫu đất (3,5 ~ 5 m)	Mỹ	2						
Máy đo lưu tốc dòng chảy	Trung Quốc	1						
Kính hiển vi soi nổi	Nhật bản	1						
Máy đo độ dẫn điện		1						
Máy đo pH cầm tay		1						
Máy đo chất lượng nước 13 chỉ tiêu		1						
Tủ hút ADC 4B1	In-đô-nê-xi-a	1						
Kính hiển vi sinh học	Trung Quốc	5						
Tủ ẩm	Châu Âu	1						
Kính hiển vi có gắn camera	Trung Quốc	1						
Kính hiển vi	Trung Quốc	5						
Thiết bị đo lưu lượng không khí	Mỹ	1						
Máy nghiền mẫu danh dao cắt	Mỹ	1						
Bộ rây (sàng)	Mỹ	1						
Bộ lọc chân không	Đài loan	1						
Bàn thí nghiệm	Việt nam	2						
Bàn chuẩn bị	Việt nam	1						

UDK142			ngành quản lý tài nguyên; Thực tập chuyên ngành khoa học môi trường; Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học; Quản lý tổng hợp chất thải rắn và hóa chất độc hại; Kỹ thuật xử lý chất thải rắn nâng cao; Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí nâng cao; Kỹ thuật xử lý nước thải và nước cấp nâng cao;	✓
Bộ phá mẫu BOD (COD)	Việt nam	1		
Bộ phá mẫu DK85+phụ tùng	Việt nam	1		
Bộ xử lý SMS	Việt nam	1		
Bơm hút JP	Việt nam	1		
Máy lắc tròn KS260 Dasic	Trung Quốc	1		
Máy quang phổ phân tích nước	Trung Quốc	1		
Bộ đo BOD 6 chỗ	Việt nam	1		
Bộ phân tích BOD	Việt nam	1		
Máy quang phổ tia đôi	Trung Quốc	1		
Burette bán tự động	Việt nam	2		
Nồi hấp tiệt trùng (50 lit)	Việt nam	1		
Thiết bị đo COD trong nước	Việt nam	1		
Máy đo độ bụi	Trung Quốc	1		
Bộ đo BOD	Đức	2		
Máy cất nước	Anh	1		
Tủ sấy	Châu Âu	1		
Máy đo khí đa năng	Trung Quốc	1		
Bơm hút chân không	Mỹ	1		
Hệ thống điều khiển trung tâm	Việt nam	1		
Hệ thống bàn giáo viên	Việt nam	1		
Cân điện tử	Việt nam	1		
Tủ sấy phòng thí nghiệm	Việt nam	1		
Bàn thí nghiệm cho học	Việt nam	4		

[illegible]

Xác nhận của Đại diện đơn vị quản lý cơ sở vật chất

(Ký tên xác nhận)

[Handwritten signature]

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA

(Ký tên xác nhận)

Charles

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên xác nhận)



Hồ Văn Thống

Số: 3175/QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ Giám sát Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp, nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/07/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ngày 06/6/2022 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị Quyết số 76/NQ-HĐT ngày 21/6/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về chủ trương mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-ĐHĐT ngày 14/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Công văn số 2156/ĐHĐT-ĐTSDH ngày 13/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định Đề án mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ Giám sát Hội đồng thẩm định đề án mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ, mã số 8440301 gồm các ông/bà có tên sau: (Có danh sách kèm theo).



Điều 2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá, thẩm định Đề án mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ; Tổ Giám sát Hội đồng thẩm định có trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình thẩm định Đề án theo đúng quy định hiện hành và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các đơn vị, cá nhân có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

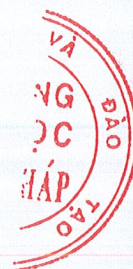
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, HĐKH&ĐT, ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống





DANH SÁCH

Hội đồng thẩm định và Tổ Giám sát Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành
Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 317/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp).

1. Danh sách Hội đồng thẩm định

STT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS. Trần Văn Tân	Thành viên HĐ KH&ĐT	Phản biện 1
3	TS. Bùi Văn Thắng	Thành viên HĐ KH&ĐT	Phản biện 2
4	TS. Lương Thanh Tân	Thành viên HĐ KH&ĐT	Ủy viên
5	TS. Trương Tấn Đạt	Thành viên HĐ KH&ĐT	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Quốc Vũ	Thành viên HĐ KH&ĐT	Ủy viên
7	TS. Phan Trọng Nam	Thành viên HĐ KH&ĐT	Thư ký khoa học

Danh sách này gồm: 07 (bảy) thành viên./.

2. Danh sách Tổ Giám sát Hội đồng thẩm định

STT	Họ và tên	Chức vụ, cơ quan công tác	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Anh Thư	Thành viên HĐ KH&ĐT	Tổ trưởng
2	TS. Hoàng Thị Việt Hà	Chuyên viên phòng ĐTSĐH	Thư ký

Danh sách này gồm: 02 (hai) thành viên./.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG THEO ĐỀ NGHỊ CỦA HIỆU TRƯỞNG

Hôm nay, vào lúc 10h15 ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại Phòng họp Hiệu bộ, Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành trình độ thạc sĩ ngành Khoa học môi trường của Trường Đại học Đồng Tháp (theo Quyết định số 3175/QĐ-ĐHĐT ngày 16/12/2022) đã họp, nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

- | | | |
|---|-----------------------|-------------------|
| 1 | PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ | Chủ tịch Hội đồng |
| 2 | PGS.TS. Trần Văn Tân | Phản biện 1 |
| 3 | TS. Bùi Văn Thắng | Phản biện 2 |
| 4 | TS. Lương Thanh Tân | Ủy viên |
| 5 | TS. Trương Tấn Đạt | Ủy viên |
| 6 | TS. Nguyễn Quốc Vũ | Ủy viên |
| 7 | TS. Phan Trọng Nam | Thư ký khoa học |

Tổ Giám sát Hội đồng thẩm định:

- | | | |
|---|-----------------------|-----------|
| 1 | ThS. Nguyễn Anh Thư | Tổ trưởng |
| 2 | TS. Hoàng Thị Việt Hà | Thư ký |

II. Nội dung: Thẩm định hồ sơ đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ, mã số 8440301 theo Đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

III. Diễn biến cuộc họp

1. PGS. TS Nguyễn Văn Đệ, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo nêu mục đích và quy trình thẩm định hồ sơ đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ, theo tinh thần *Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.*

a) Mục đích: Xem xét, đánh giá hồ sơ, quy trình và các điều kiện thực tế của Trường đáp ứng các yêu cầu mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ về các nội dung bao gồm:

- Tên ngành, mã ngành;
- Nhu cầu đào tạo của ngành;
- Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết môn học;
- Các điều kiện về đội ngũ giảng viên;
- Các điều kiện về cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy – học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo được đề xuất mở;
- Các văn bản có liên quan và quy trình xây dựng Đề án mở ngành;
- Công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo.

b) Quy trình:

(1) Đại diện Ban xây dựng đề án ngành Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ trình bày tóm tắt nội dung đề án, chương trình và khung chương trình đào tạo, các hồ sơ về điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên, các văn bản có liên quan và quy trình mở ngành.

(2) Các thành viên Hội đồng đóng góp ý kiến;

(3) Chủ tịch Hội đồng kết luận cuộc họp;

(4) Lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng về kết luận cuộc họp.

2. Đại diện Hội đồng xây dựng đề án ngành Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ trình bày đề án:

TS. Nguyễn Quốc Nguyên, đại diện Hội đồng xây dựng Đề án báo cáo tóm tắt:

- Tên ngành đào tạo: Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ, mã số: 8440301 đã được xác định theo đúng quy định về danh mục ngành đào tạo của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Việc mở ngành đào tạo Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao của địa phương và cả nước, nhất là trong bối cảnh vấn đề bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên đang ngày càng được quan tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Ban xây dựng Đề án đã tiến hành khảo sát các bên liên quan về nhu cầu nhân lực ngành Khoa học môi trường. Kết quả cho thấy, nhu cầu học thạc sĩ ngành này là rất lớn, không chỉ ở đội ngũ giáo viên giảng dạy ở phổ thông mà còn từ các cơ quan, doanh nghiệp.

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có trình độ Phó giáo sư, Tiến sĩ đủ số lượng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để mở ngành đào tạo thạc sĩ Khoa học môi trường theo các quy định hiện hành.

- Khoa và Trường có đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, cơ sở thực tập, học liệu phục vụ tốt cho quá trình đào tạo. Trường có hệ thống quản lý dạy học E-learning đảm bảo sẵn sàng chuyển sang dạy – học trực tuyến.

- Ban xây dựng Chương trình đào tạo đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra, khung chương trình, đồng thời tham khảo chương trình ngành Khoa học môi trường của một số cơ sở đào tạo uy tín trong nước, từ đó xây

dựng chương trình đào tạo một cách khoa học, hiện đại. Chương trình đào tạo đã được các chuyên gia đầu ngành của Hội đồng thẩm định thông qua.

- Chương trình đào tạo ngành Khoa học môi trường trình độ đại học đã đạt chất lượng kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Hồ sơ Đề án mở ngành Khoa học môi trường đã được xây dựng theo đúng quy định, đầy đủ các thủ tục theo quy trình, đề nghị Hội đồng thẩm định Đề án thông qua.

3. Các thành viên Hội đồng đóng góp ý kiến:

1) PGS.TS. Trần Văn Tân - Phản biện 1: Đề án mở ngành Khoa học môi trường có tính cấp thiết cao, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường đang đặt ra gay gắt. Tên ngành: Khoa học môi trường, mã số: 8440301 là phù hợp theo quy định hiện hành. Trường có đủ đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ chuyên ngành phù hợp để mở ngành đào tạo.

2) TS. Bùi Văn Thắng – Phản biện 2: Đề án mở ngành Khoa học môi trường được xây dựng theo đúng quy định. Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường có đội ngũ giảng viên có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các điều kiện về phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm đầy đủ, phù hợp với đào tạo bậc thạc sĩ. Chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý, khoa học, hiện đại. Đề nghị Hội đồng thông qua Đề án.

3) TS. Lương Thanh Tân - Ủy viên: Đánh giá cao Đề án mở ngành thạc sĩ Khoa học môi trường và tính cấp thiết của việc mở ngành này trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ với nhiều dự án về công nghiệp, xây dựng gây ra nhiều tác động tiêu cực đối với môi trường. Đề án đã được xây dựng theo đúng quy trình, đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành. Đề nghị Hội đồng thông qua Đề án. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xây dựng Đề án rà soát, cập nhật lại các văn bản pháp lý cho phù hợp với thực tiễn.

4) TS. Nguyễn Quốc Vũ - Ủy viên: Đề án đã được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành. Đội ngũ giảng viên về cơ bản đáp ứng theo các quy định hiện hành. Đề nghị Hội đồng thông qua Đề án. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xây dựng Đề án rà soát lại các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, sử dụng các động từ theo thang Bloom theo yêu cầu về đảm bảo chất lượng đào tạo.

5) TS. Trương Tấn Đạt - Ủy viên: Hồ sơ Đề án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Khoa học môi trường là tương đối lớn. Đội ngũ giảng viên về cơ bản đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo. Đề nghị Hội đồng thông qua Đề án. Tuy nhiên, thời gian tới Nhà trường tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên nghiên cứu chuyên sâu ngành Khoa học môi trường để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo.

6) TS. Phan Trọng Nam – Thư ký khoa học: Hệ thống quản lý dạy học trực tuyến của Nhà trường đáp ứng khả năng chuyển đổi sang dạy học trực tuyến một cách linh hoạt, đảm bảo duy trì hoạt động dạy và học. Các văn bản, biên bản trong Đề án đã được xây dựng theo đúng các quy trình, quy định hiện hành. Đề nghị Hội đồng thông qua Đề án.

7) PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ - Chủ tịch Hội đồng:

Việc xác định tên ngành Khoa học môi trường, mã số: 8440301 là đúng theo quy định. Chương trình đào tạo đã được thẩm định một cách thận trọng, ban xây dựng chương trình đã chỉnh sửa theo các góp ý của Hội đồng. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất về cơ bản đáp ứng yêu cầu mở ngành. Thời gian tới Trường sẽ có thêm một số giảng viên hoàn thành bảo vệ luận án tiến sĩ ngành phù hợp, tiếp tục bổ sung lực lượng cho việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Đề án đã thể hiện rõ kế hoạch kiểm định và nâng cao chất lượng đào tạo; Trường có đủ năng lực để thực hiện tốt công tác quản lý ngành đào tạo. Đề án đã được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành. Đề nghị Hội đồng thông qua Đề án.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín:

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 1. TS. Nguyễn Quốc Vũ | Trưởng ban kiểm phiếu |
| 2. TS. Bùi Văn Thắng | Ủy viên |
| 3. TS. Phan Trọng Nam | Ủy viên |

5. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả:

Số phiếu đạt: 7/7;

Số phiếu không đạt: 0/7.

6. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng:

Căn cứ vào Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp, Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng thẩm định đánh giá Đề án đạt mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành, cụ thể là:

1) Tên ngành: Khoa học môi trường, mã số: 8440301 là đúng theo quy định về danh mục ngành đào tạo của giáo dục đại học.

2) Đề án mở ngành Khoa học môi trường có tính cấp thiết cao, phù hợp năng lực với nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và xu thế hợp tác quốc tế.

3) Chương trình đào tạo được xây dựng đúng quy trình, các học phần đảm bảo tính khoa học, hiện đại, có cấu trúc phù hợp với định hướng ứng dụng; các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá đa dạng, đảm bảo phát huy năng lực người học. Chương trình đào tạo đã được Hội đồng thẩm định thông qua, đảm bảo đúng quy trình theo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

4) Nhà trường có năng lực về đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 01 Phó Giáo sư và 05 tiến sĩ chuyên ngành đúng và chuyên ngành phù hợp, đảm bảo đủ yêu cầu để mở ngành.

5) Hệ thống cơ sở vật chất, thư viện của Trường đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo; hệ thống quản lý dạy học trực tuyến đáp ứng khả năng chuyển đổi sang dạy - học trực tuyến một cách linh hoạt, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ dạy và học.

6) Nhà trường có cơ cấu tổ chức chặt chẽ để quản lý hoạt động đào tạo ngành, cụ thể: cấp chuyên ngành và khoa quản lý về mặt chuyên môn, các phòng ban hỗ trợ

về mặt hành chính; Hội đồng Khoa học và Đào tạo tham mưu về công tác chuyên môn; Lãnh đạo Trường luôn quan tâm chỉ đạo việc đảm bảo chất lượng đào tạo.

7) Đề án đã được xây dựng theo đúng quy trình, các văn bản, hồ sơ đầy đủ theo quy định hiện hành.

8) Hội đồng thống nhất đánh giá Đề án mở ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ, mã số: 8440301 đáp ứng điều kiện để mở ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

Biên bản này được lập thành 04 bản; Hội đồng khoa học và đào tạo lưu 01 bản; gửi Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp 01 bản để tư vấn; gửi Hội đồng xây dựng Đề án 02 bản để kèm theo hồ sơ./.

Phiên họp kết thúc lúc 11h45 cùng ngày./.

Chủ tịch Hội đồng



PGS. TS Nguyễn Văn Đệ

Thư ký Hội đồng



TS. Phan Trọng Nam

03/03/2020

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 12 năm 2022

**BẢN NHẬN XÉT
Hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo**

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- Bậc đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành: 8440301
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp.

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Trần Văn Tân**
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng chuyên ngành thạc sĩ Hóa lý thuyết và hóa lý
Đơn vị công tác: Trường Đại học Đồng Tháp
3. Học hàm – học vị: PGS.TS
4. Chức vụ trong Hội đồng thẩm định Đề án: **Phản biện 1.**

II. Nội dung

1. Nhu cầu kinh tế, xã hội của ngành đào tạo

Nhu cầu nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Khoa học môi trường hiện nay là rất lớn ở tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh vùng ĐBSCL, nhất là trong bối cảnh vùng đang phải ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu và giải quyết các vấn đề môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chương trình đào tạo (CTĐT):

2.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

2.1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của CTĐT được xác định phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể của CTĐT đã được xác định đầy đủ, thể hiện rõ việc đạt được mục tiêu chung.

2.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (kiến thức, kỹ năng và thái độ)

Chuẩn đầu ra gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ được xác định phù hợp với mục tiêu và vị trí việc làm.

2.1.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra được xây dựng phù hợp với việc đạt được mục tiêu đào tạo.

2.2. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp (vị trí việc làm)

Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp vừa có thể tham gia giảng dạy, nghiên cứu hoặc làm việc trong các cơ quan nhà nước là phù hợp với chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo.

2.3. Mối quan hệ giữa các môn học/nhóm môn học và chuẩn đầu ra

Các môn học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

2.4. Chương trình đào tạo

2.4.1. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức 60 tín chỉ là phù hợp với quy định về số lượng tín chỉ của CTĐT theo Thông tư 23/TT-Bộ GD&ĐT.

2.4.2. Kế hoạch giảng dạy

Tiến độ thực hiện các môn học là phù hợp với mạch kiến thức. Thời gian đào tạo được thiết kế 02 năm, với 04 học kỳ là phù hợp để học viên hoàn thành khối lượng kiến thức của CTĐT.

2.4.3. Tính hoà nhập của chương trình so với một số trường trong khu vực và thế giới
CTĐT đã được đối sánh với một số CTĐT trong và ngoài nước.

2.4.4. Khả năng liên thông với các chương trình khác

CTĐT đã có sự phát triển ở bậc cao hơn so với CTĐT trình độ đại học và là tiền đề để người học có thể học lên bậc tiến sĩ.

2.4.5. Các môn học trong chương trình có thể hiện được những kết quả dự kiến đạt được của chương trình đào tạo ngành hay không?

Các môn học được thiết kế có thể giúp đạt được kết quả dự kiến của chương trình đào tạo.

2.4.6. Tính hợp lý của việc bố trí các môn học, có nên thêm hoặc bớt môn học nào không?

Các môn học được sắp xếp theo tiến độ phù hợp trong thời gian 02 năm với 04 học kỳ.

2.4.7. Đề cương chi tiết môn học

Đề cương chi tiết môn học đã thể hiện đầy đủ các nội dung về mục tiêu môn học, nội dung kiến thức chính, phương pháp kiểm tra, đánh giá, tài liệu tham khảo; đã xác định được việc đạt được các chuẩn đầu ra của môn học.

2.5. Khả năng về đội ngũ cán bộ, giảng viên

Đội ngũ giảng viên ngành Khoa học môi trường có đủ khả năng để đảm bảo thực hiện CTĐT với 02 phó giáo sư và 04 tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học.

2.6. Về cơ hội thực tập của người học

Trường ĐHĐT có liên kết với các cơ sở thực tập nghề nghiệp gồm các trường phổ thông, trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các cơ quan, doanh nghiệp, đảm bảo điều kiện thực tập nghề nghiệp tốt cho người học.

2.7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

Trường ĐHĐT có hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị khá đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đào tạo.

2.8. Tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành đào tạo

Giáo trình, tài liệu học tập tương đối đầy đủ, đa dạng; đặc biệt là tài liệu trực tuyến do Trường ĐHĐT có liên kết nguồn tư liệu với các trường, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

3. Kế hoạch chuẩn hoá chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo

CTĐT được dự kiến kiểm định chất lượng theo chu kỳ 05 năm là phù hợp với quy định hiện hành, đảm bảo việc cập nhật, bổ sung.

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 12 năm 2022

BẢN NHẬN XÉT
Hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- bậc đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành: 8440301
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp.

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Bùi Văn Thắng**
2. Chức vụ hiện tại: **Trưởng Khoa SP Khoa học tự nhiên**
Đơn vị công tác: Trường Đại học Đồng Tháp
3. Học hàm – học vị: Tiến sĩ
4. Chức vụ trong Hội đồng thẩm định Đề án: **Phản biện 2.**

II. Nội dung

1. Nhu cầu kinh tế, xã hội của ngành đào tạo

Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Khoa học môi trường là rất lớn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế bền vững cho các tỉnh vùng ĐBSCL và cả nước.

2. Chương trình đào tạo (CTĐT)

2.1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

2.1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của CTĐT đã được xác định phù hợp với ngành, lĩnh vực đào tạo.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể đã được xác định rõ nhằm đạt được mục tiêu chung.

2.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học)

Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được xác định đúng với mục tiêu đào tạo và vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

2.1.4. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra được xây dựng phù hợp với việc đạt được mục tiêu đào tạo.

2.2. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp (vị trí việc làm)

Việc làm của người học sau khi tốt nghiệp là vừa có thể tham gia giảng dạy, nghiên cứu hoặc làm việc trong các cơ quan chức năng là phù hợp với mục tiêu đào tạo.

2.3. Mối quan hệ giữa các môn học/nhóm môn học và chuẩn đầu ra

Mối quan hệ giữa các môn học và chuẩn đầu ra đã được thể hiện rõ trong ma trận của Bản mô tả CTĐT.

2.4. Chương trình đào tạo

2.4.1. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức của CTĐT gồm 60 tín chỉ là phù hợp với quy định tại Thông tư 23/2021 của Bộ GD&ĐT. CTĐT có sự cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực hành/thực tế và tự học.

2.4.2. Kế hoạch giảng dạy

Tiến độ thực hiện các môn học là phù hợp với mạch kiến thức; thời gian đào tạo được thiết kế 02 năm, với 04 học kỳ là phù hợp.

2.4.3. Tính hòa nhập của chương trình so với một số trường trong khu vực và thế giới

CTĐT đã được đối sánh với một số CTĐT của các trường trong và ngoài nước, đảm bảo tính hòa nhập.

2.4.4. Khả năng liên thông với các chương trình khác

CTĐT vừa là sự phát triển của bậc đại học, vừa làm nền tảng để người học có thể học lên bậc cao hơn.

2.4.5. Các môn học trong chương trình có thể hiện được những kết quả dự kiến đạt được của chương trình đào tạo ngành hay không?

Các môn học trong chương trình được thiết kế nhằm đạt được các chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo, phù hợp với vị trí việc làm của ngành đào tạo.

2.4.6. Tính hợp lý của việc bố trí các môn học, có nên thêm hoặc bớt môn học nào không?

Các môn học được sắp xếp theo tiến độ phù hợp, logic.

2.4.7. Đề cương chi tiết môn học

Đề cương chi tiết môn học đã thể hiện rõ các nội dung về: mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ; các nội dung kiến thức đã được chỉ rõ việc đạt được các chuẩn đầu ra; phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng; tài liệu tham khảo phù hợp, cập nhật.

2.5. Khả năng về đội ngũ cán bộ, giảng viên

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, đủ năng lực đảm bảo thực hiện hiệu quả CTĐT.

2.6. Về cơ hội thực tập của người học

Trường ĐHĐT có liên kết với các cơ sở thực tập, thực hành nghề tại các trường phổ thông, trường trung cấp, cao đẳng, đại học và các cơ quan nghiên cứu, đảm bảo cơ hội thực tập, thực hành nghề nghiệp của người học.

2.7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ đào tạo, được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ Đề án.

2.8. Tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành đào tạo

Tài liệu học tập đa dạng, có tại Trung tâm học liệu của Trường ĐHĐT, trong đó có nhiều tài liệu từ nước ngoài; có nhiều tài liệu số, thuận tiện cho việc tiếp cận của người học.

3. Kế hoạch chuẩn hoá chương trình và kiểm định chất lượng đào tạo

CTĐT sẽ được kiểm định theo chu kỳ 05 năm là phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy – học trực tuyến

Trường ĐHĐT có hệ thống dạy - học trực tuyến E-learning và phần mềm quản lý đào tạo thể hiện khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy – học trực tuyến.

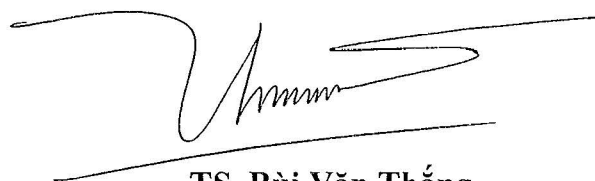
5. Công tác tổ chức quản lý đối với ngành đề xuất mở

Ngành Khoa học môi trường trình độ thạc sĩ được đảm bảo thực hiện bởi các đơn vị quản lý là Bộ môn Sư phạm Khoa học môi trường, Khoa Sư phạm khoa học tự nhiên; sự chỉ đạo trực tiếp của Ban giám hiệu Nhà trường, sự hỗ trợ từ phòng Đào tạo Sau đại học và các phòng ban chức năng.

6. Ý kiến khác (nếu có)

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 12 năm 2022

Phản biện 2



TS. Bùi Văn Thắng

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 12 năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- Bậc đào tạo: **Thạc sĩ**
- Mã ngành: **8440301**
- Đơn vị đào tạo: **Trường Đại học Đồng Tháp.**

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Bùi Văn Thắng**
2. Chức vụ hiện tại: **Trưởng Khoa SP Khoa học tự nhiên**
Đơn vị công tác: **Trường Đại học Đồng Tháp**
3. Học hàm – học vị: **Tiến sĩ**
4. Chức vụ trong Hội đồng thẩm định: **Phản biện 2.**

II. Phần thẩm định hồ sơ

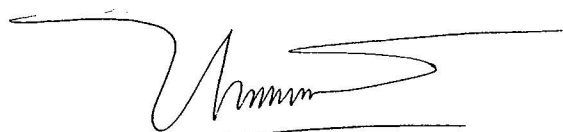
TT	Nội dung	Điểm tối đa	Phản cho điểm	Ghi chú
1	Nhu cầu đào tạo	10	10	
2	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	20	
3	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	30	29	
4	Đội ngũ cán bộ giảng dạy	20	18	
5	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...)	20	18	
Tổng cộng:		100	95	

III. Phần kết luận

Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (không cần chỉnh sửa, bổ sung): **Đủ điều kiện mở ngành đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung.**

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ):
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:
Lý do:
3. Ý kiến khác (nếu có):

Cán bộ thẩm định



TS. Bùi Văn Thắng

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 12 năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- Bậc đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành: 8440301
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp.

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Lương Thanh Tân**
2. Chức vụ hiện tại: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp
3. Học hàm – học vị: TS
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên

II. Phần thẩm định hồ sơ

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1	Nhu cầu đào tạo	10	10	
2	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	20	
3	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	30	30	
4	Đội ngũ cán bộ giảng dạy	20	15	
5	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...)	20	20	
Tổng cộng:		100	95	

III. Phần kết luận

- ① Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (không cần chỉnh sửa, bổ sung): **Đủ điều kiện mở ngành đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung.**
- ② Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ):
- ③ Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:
Lý do:
- ④ Ý kiến khác (nếu có):

Cán bộ thẩm định



TS. Lương Thanh Tân

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 12 năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- Bậc đào tạo: **Thạc sĩ**
- Mã ngành: **8440301**
- Đơn vị đào tạo: **Trường Đại học Đồng Tháp**

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Trương Tấn Đạt**
2. Chức vụ hiện tại: **Chủ tịch Hội đồng Trường
Trường Đại học Đồng Tháp.**
3. Học hàm – học vị: **Tiến sĩ**
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: **Ủy viên**

II. Phần thẩm định hồ sơ

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1	Nhu cầu đào tạo	10	10	
2	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	19	
3	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	30	29	
4	Đội ngũ cán bộ giảng dạy	20	18	
5	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...)	20	20	
Tổng cộng:		100	96	

III. Phần kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (không cần chỉnh sửa, bổ sung):
2. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ): ~~X~~
3. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:
Lý do:
4. Ý kiến khác (nếu có):

Cán bộ thẩm định



TS. Trương Tấn Đạt

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 4 năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- bậc đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành: 8440301
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Nguyễn Quốc Vũ**
2. Chức vụ hiện tại: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp
3. Học hàm – học vị: Tiến sĩ
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên

II. Phần thẩm định hồ sơ

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1	Nhu cầu đào tạo	10		
2	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20		
3	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	30		
4	Đội ngũ cán bộ giảng dạy	20		
5	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...)	20		
Tổng cộng:		100		

III. Phần kết luận

Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (không cần chỉnh sửa, bổ sung): **Đủ điều kiện mở ngành đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung.**

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ):
2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:
Lý do:
3. Ý kiến khác (nếu có):

Cán bộ thẩm định



TS. Nguyễn Quốc Vũ

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 4 năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- Bậc đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành: 8440301
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp.

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đệ**
2. Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo,
Trường Đại học Đồng Tháp
3. Học hàm – học vị: PGS.TS
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: **Chủ tịch Hội đồng**

II. Phần thẩm định hồ sơ

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1	Nhu cầu đào tạo	10	9	
2	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	19	
3	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	30	28	
4	Đội ngũ cán bộ giảng dạy	20	18	
5	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...)	20	19	
Tổng cộng:		100	93	

III. Phần kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (không cần chỉnh sửa, bổ sung):
- ② Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ):
3. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:
Lý do:
4. Ý kiến khác (nếu có):

Cán bộ thẩm định



PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 12 năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Khoa học môi trường**
- Bậc đào tạo: Thạc sĩ
- Mã ngành: 8440301
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp.

I. Một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên: **Phan Trọng Nam**
2. Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Khoa học và công nghệ
Trường Đại học Đồng Tháp
3. Học hàm – học vị: Tiến sĩ
4. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: **Thư ký khoa học.**

II. Phần thẩm định hồ sơ

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Phần cho điểm	Ghi chú
1	Nhu cầu đào tạo	10	9	
2	Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra	20	19	
3	Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo	30	29	
4	Đội ngũ cán bộ giảng dạy	20	19	
5	Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...)	20	19	
Tổng cộng:		100	95	

III. Phần kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (không cần chỉnh sửa, bổ sung): *Đủ điều kiện mở ngành đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung.*
2. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ):
3. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:
Lý do:
4. Ý kiến khác (nếu có):

Cán bộ thẩm định



TS. Phan Trọng Nam

Số: 3329/QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án mở ngành đào tạo
Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp, nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-ĐHĐT ngày 14/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Kết luận tại biên bản ngày 12/5/2022 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kết luận tại biên bản ngày 22/12/2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Đồng Tháp về việc thẩm định thông qua Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ;



Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án mở ngành đào tạo Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ, mã số: 8440301 (có hồ sơ Đề án kèm theo).

Điều 2. Đề án này được áp dụng trong tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngành Khoa học môi trường, trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp kể từ năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

